SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

Số: 724 /QĐ-BVLVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp.Thủ Đức, ngày 14 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm trực tiếp vật tư y tế năm 2024

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 19/2021/TT-BYT ngày 16/11/2021 của Bộ Y tế quy định mẫu văn bản, báo cáo thực hiện Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý Trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ kế hoạch đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết việc sử dụng vốn Nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày

29 tháng 3 năm 2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn Nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Biên bản họp HĐKHCN ngày 24/07/2024 về việc thống nhất danh mục, giá, thông số kỹ thuật gói thầu: Mua sắm trực tiếp vật tư y tế tiêu hao;

Căn cứ Quyết định số 619 /QĐ-BVLVT ngày 29/07/2024 của Giám đốc Bệnh viện Lê Văn Thịnh về việc phê duyệt dự toán gói thầu Mua sắm trực tiếp vật tư y tế năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 673 /QĐ-BVLVT ngày 31/07/2024 của Giám đốc Bệnh viện Lê Văn Thịnh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm trực tiếp vật tư y tế năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 680A /QĐ-BVLVT ngày 05/08/2024 của Giám đốc Bệnh viện Lê Văn Thịnh về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu gói thầu Mua sắm trực tiếp vật tư y tế năm 2024.

Căn cứ tờ trình số 114/TTr-TMS ngày 13 /08 /2024 của Tổ mua sắm về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu Mua sắm trực tiếp vật tư y tế năm 2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu mua sắm trực tiếp vật tư y tế năm 2024 với các nội dung chính như sau:

1. Chủ đầu tư : Bệnh viện Lê Văn Thịnh
2. Tên nhà thầu trúng thầu : Danh mục đính kèm
3. Địa chỉ công ty trúng thầu: Danh mục đính kèm
4. Tổng giá trị trúng thầu: **28.109.192.716 đồng** (Bằng chữ**:** Hai mươi tám tỷ một trăm lẻ chín triệu một trăm chín mươi hai ngàn bảy trăm mười sáu đồng)

5. Tên hàng hóa: Danh mục đính kèm
6. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định
7. Thời gian thực hiện hợp đồng: 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
8. Nguồn vốn: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc các nguồn thu hợp pháp khác của bệnh viện.
9. Loại hợp đồng: hợp đồng theo đơn giá cố định.
10. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
11. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Mua sắm trực tiếp.

Điều 2. Giao Phòng Tài chính – Kế toán; Bên mời thầu; và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện thông báo kết quả đấu thầu và tiến hành các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, Tổ mua sắm và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT, VTTBYT (H, b)

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

Trần Văn Khanh

PHỐ HỒ CHÍ MINH
NH VIỆN
ĂN THỊNH

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

PHỤ LỤC: DANH MỤC GÓI THẦU MUA SẮM TRỰC TIẾP VẬT TƯ Y TẾ NĂM 2024
(Đính kèm Quyết định phê duyệt KQLCNT số 724/QĐ-BVLVT, ngày 14 tháng 08 năm 2024)

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
1	N08.00.260.2462.213-0004	Clip kẹp mạch máu Weck Hem-O-Lok Ligating Clips	Clip kẹp mạch máu Weck Hem-O-Lok Ligating Clips	Clip kẹp mạch máu polymer Weck Hem-O-Lok Ligating Clips các cỡ	544220 544230 544240 544250	Clip Polymer kẹp mạch máu có công nghệ khoá an toàn, có mấu chống trượt với chân bám 360 độ, gai dọc thân clip và cơ chế khoá đầu clip. Chất liệu polymer không tan, không làm ảnh hưởng đến CT, MRI, X-ray. Sử dụng được trong phẫu thuật với Robot. Size M kẹp mạch máu từ 2-7 mm, size ML kẹp mạch máu từ 3-10 mm, size L kẹp mạch máu từ 5-13 mm, size XL kẹp mạch máu từ 7-16mm, tương đương Hem-o-lok.	Hudson Respiratory Care	Mexico	Hudson Respiratory Care Tecate S.De R.L De C.v	Vỉ/ 6 cái	Cái	500	85.000	42.500.000		công ty TNHH VẬT TƯ Y TẾ PHƯƠNG LAN	0312286354	2932/QĐ-BVĐHYD	06/09/2023	BV Đại học y dược TPHCM
2	Không phân nhóm	Không phân nhóm	Bộ que thử đường huyết tại giường + Kim lấy máu dùng cho y tế	09355901001 combo Instant 100 Softclix	093559010001	Que thử đường huyết Accu-Chek Instant cho kết quả đúng theo protocol của ISO 15197:2013 / EN ISO 15197:2015 - Phạm vi đo Glucose là 10 - 600 mg/dL, hoặc 0,6 - 33,3mmol/L. Giới hạn hematocrite là 10 - 65%, - Đo được 4 loại máu (mao mạch, tĩnh mạch, động mạch, máu trẻ sơ sinh), - Thời gian đo <4 giây, Mẫu máu đo 0.6µL - Que thử hút máu bằng mao dẫn. Vùng nhận máu rộng 5 mm giúp dễ dàng lấy máu - Sử dụng men thử FAD-GDH không bị ảnh hưởng bởi Oxy, đường Maltose. - Hạn sử dụng 18 tháng. Sau khi mở nắp sử dụng được đến hết ngày ghi trên hộp Kim lấy máu Accu-Chek Softclix -Đường kính kim nhỏ: 0.4mm - 28G -Đầu kim bằng Thép không gỉ được được vát 3 mặt cắt và phủ Silicon giúp đâm qua da một -cách nhẹ nhàng -Mỗi kim đều có nắp đậy seal kín chỉ mở một lần để đảm bảo vô trùng và an toàn cho người sử dụng. -Nắp đậy kim được thiết thế hình dạng tròn, dày để phim đầu kim đã sử dụng giúp an toàn cho việc loại	Roche Diabetes Care, In. /Mỹ Asahi Polyslider Company Limited / Nhật Bản	Mỹ Nhật Bản	Roche Diabetes Care GmbH, Đức	Hộp 200 kim lấy máu + 2 hộp x 100 que thử	Bộ	7.600	6.000	45.600.000		Công ty TNHH dược phẩm Phương Phương	0305088954	QĐ số 1157/QĐ-BVTN	09/08/2023	BV Thống Nhất
3	Nằm ngoài danh mục theo QĐ [illegible]	Nằm ngoài danh mục theo QĐ [illegible]	07819404020 AC INSTANT 100CT STRIP APAC	07819404020 AC INSTANT 10CT STRIP APAC	07819404020	- Que thử đường huyết Accu-Chek Instant dùng cho máy Accu-Chek Instant cho kết quả đúng theo protocol của ISO 15197:2013 100% kết quả đo nằm trong vòng sai số ±10 mg/dL và 100% kết quả đo nằm trong vòng sai số ±15 mg/dL với Pp chuẩn ở nồng độ <100mg/dL hoặc 5.55 mmol/L 99,3% kết quả đo nằm trong vòng sai số ±10% và 100% kết quả đo nằm trong vòng sai số ±15% với Pp chuẩn ở nồng độ ≥100mg/dL hoặc 5.55 mmol/L - Kết quả tương ứng với nồng độ đường trong huyết tương theo IFCC và được hiệu chuẩn với các giá trị tham chiếu thu được bằng phương pháp Hexokinase (phương pháp định lượng Glucose máu chính xác nhất hiện nay) - Phạm vi đo Glucose là 10 - 600 mg/dL, hoặc 0,6 - 33,3mmol/L - Giới hạn hematocrite là 10 - 65%, - Đo được 4 loại máu (mao mạch, tĩnh mạch, động mạch, máu trẻ sơ sinh), - Thử được ở những vị trí khác nhau như: đầu ngón tay, lòng bàn tay, cánh tay hoặc bắp tay	Roche Diabetes Care Inc.,	Mỹ	Roche Diabetes Care GmbH, Đức	Hộp/ 2 lọ x 50 Que	Bộ	30.000	5.700	171.000 000		Công ty TNHH dược phẩm Phương Phương	0305088954	QĐ số 1157/QĐ-BVTN	09/08/2023	BV Thống Nhất

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
4	N08.00.470.1712.151.0003, N08.00.470.1712.151.0007, N08.00.470.1712.151.0008	Versaone™ Optical Trocar nhựa trong xâm nhập thành bụng 5mm, loại đầu trong, chiều dài 100mm, có vân cố định/ Versaone™ Optical Trocar nhựa trong xâm nhập thành bụng 11mm, loại đầu trong, chiều dài 100mm, có vân cố định/Versaone™ Optical Trocar nhựa trong xâm nhập thành bụng 12mm, loại đầu trong, chiều dài 100mm, có vân	Trocar nhựa trong suốt dùng trong phẫu thuật nội soi tiêu hóa Versaone đường kính 5mm-11mm-12mm	Trocar nhựa trong suốt dùng trong phẫu thuật nội soi tiêu hóa Versaone đường kính 5mm-11mm-12mm	ONB5STF; ONB11STF; ONB12STF	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, có van khí - Chất liệu: * Thân: chất liệu polyamide, Polysorprene và silicon oil, có đường ren, van đóng, có rãnh cố định, van đóng có hệ thống van tăng cường * Nòng: chất liệu Polyamide, Acrylonitrile-butadiene-styrene và Versaflex Thermoplastic Elastomer, đầu trong dạng mũi cá heo * Van khí: 2 chiều - Dài 100 mm, - Đường kính 5,11, 12mm - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA,CE	Covidien	Dominica	Covidien LLC/Mỹ	Hộp/ 6 cái	Cái	500	2.300.000	1.150.000.000		công ty TNHH DƯỢC PHẨM PHƯƠNG PHƯƠNG	0305088954	973 /QĐ-BV	19/04/2024	BV 30/4
5	N05.02.040.1712.175.0045	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polysorb số 1 dài 90cm, kim tròn đầu nhọn GS-24 1/2C, 40mm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polysorb số 1 dài 90cm, kim tròn đầu nhọn GS-24 1/2C, 40mm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polysorb số 1 dài 90cm, kim tròn đầu nhọn GS-24 1/2C, 40mm	CL-915	Chỉ phẫu thuật tổng hợp, tiệt trùng, đa sợi, tan trung bình, thành phần Lactomer 9-1 gồm glycolide và lactide được bao phủ bởi caprolactone và calcium stearoyl lactylate, đạt lực khỏe nút buộc ban đầu bằng 140% tiêu chuẩn dược điển Mỹ, số 1, dài 90cm, kim tròn đầu nhọn GS-24 dài 40mm, cong 1/2 vòng tròn, kim sắc bén, được phủ silicon theo công nghệ Nucoat. Tiêu chuẩn FDA.	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	36 tép/hộp	tép	400	75.000	30.000.000		công ty TNHH DƯỢC PHẨM PHƯƠNG PHƯƠNG	0305088954	1895/QĐ-BVCR	08/05/2024	BV Chợ Rẫy
6	N05.02.040.1712.175.0010	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polysorb số 2-0 dài 75cm, kim tròn đầu nhọn V-20 1/2C, 26mm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polysorb số 2-0 dài 75cm, kim tròn đầu nhọn V-20 1/2C, 26mm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polysorb số 2-0 dài 75cm, kim tròn đầu nhọn V-20 1/2C, 26mm	GL-123	Chỉ phẫu thuật tổng hợp, tiệt trùng, đa sợi, tan trung bình, thành phần Lactomer 9-1 gồm glycolide và lactide được bao phủ bởi caprolactone và calcium stearoyl lactylate, đạt lực khỏe nút buộc ban đầu bằng 140% tiêu chuẩn dược điển Mỹ, số 2/0, dài 75m, kim tròn đầu nhọn V-20 dài 26mm, cong 1/2 vòng tròn, kim sắc bén, được phủ silicon theo công nghệ Nucoat. Tiêu chuẩn FDA.	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	36 tép/hộp	tép	400	64.000	25.600.000		công ty TNHH DƯỢC PHẨM PHƯƠNG PHƯƠNG	0305088954	1895/QĐ-BVCR	08/05/2024	BV Chợ Rẫy
7	N05.02.040.1712.175.0058	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polysorb số 3-0 dài 75cm, kim tròn đầu nhọn V-20 1/2C, 26mm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polysorb số 3-0 dài 75cm, kim tròn đầu nhọn V-20 1/2C, 26mm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polysorb số 3-0 kim tròn đầu nhọn V-20	GL-122	Chỉ phẫu thuật tổng hợp, tiệt trùng, đa sợi, tan trung bình, thành phần Lactomer 9-1 gồm glycolide và lactide được bao phủ bởi caprolactone và calcium stearoyl lactylate, đạt lực khỏe nút buộc ban đầu bằng 140% tiêu chuẩn dược điển Mỹ, số 3/0, dài 75m, kim tròn đầu nhọn V-20 dài 26mm, cong 1/2 vòng tròn, kim sắc bén, được phủ silicon theo công nghệ Nucoat. Tiêu chuẩn FDA.	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	36 tép/hộp	tép	400	64.000	25.600.000		công ty TNHH DƯỢC PHẨM PHƯƠNG PHƯƠNG	0305088954	1895/QĐ-BVCR	08/05/2024	BV Chợ Rẫy

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
8	N05.02.040.1712.175.0053	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polysorb số 4-0 dài 75cm, kim tròn đầu nhọn V-20 1/2C, 26mm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polysorb số 4-0 dài 75cm, kim tròn đầu nhọn V-20 1/2C, 26mm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polysorb số 4-0 kim tròn đầu nhọn V-20	GL-121	Chỉ phẫu thuật tổng hợp, tiệt trùng, đa sợi, tan trung bình, thành phần Lactomer 9-1 gồm glycolide và lactide được bao phủ bởi caprolactone và calcium stearoyl lactylate, đạt lực khỏe nút buộc ban đầu bằng 140% tiêu chuẩn dược điển Mỹ, số 4/0, dài 75m, kim tròn đầu nhọn V-20 dài 26mm, cong 1/2 vòng tròn, kim sắc bén, được phủ silicon theo công nghệ Nucoat. Tiêu chuẩn FDA.	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	36 tép/hộp	tép	400	99.750	39.900.000		công ty TNHH DƯỢC PHẨM PHƯƠNG PHƯƠNG	0305088954	1895/QĐ-BVCR	08/05/2024	BV Chợ Rẫy
9	N05.02.030.1712.151.0100	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 7-0, 2 kim tròn đầu nhọn CV-351	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 7-0 dài 60, 2 kim tròn đầu nhọn CV-351, 3/8C, 8mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 7-0, 2 kim tròn đầu nhọn CV-351	VP-630-X	Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, màu xanh, chất liệu Polypropylene và thêm Polyethylenglycol giúp sợi chỉ bền chắc và mượt mà. Sợi chỉ số 7-0, dài 60cm, 2 kim tròn, đầu nhọn CV-351, dài 8mm, kim cong 3/8 vòng tròn, loại kim CARDIOPOINT linh hoạt, sắc bén, được phủ silicon theo công nghệ Nucoat. Đóng gói theo công nghệ NuPack tối thiểu nhớ hình. Tiêu chuẩn FDA.	Covidien	Dominica	Covidien LLC	36 tép/hộp	tép	300	139.125	41.737.500		công ty TNHH DƯỢC PHẨM PHƯƠNG PHƯƠNG	0305088954	973 /QĐ-BV	19/04/2024	BV 30/4
10	N05.02.030.1712.151.0106	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 6-0, 2 kim tròn đầu nhọn CV-11	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 6-0, 2 kim tròn đầu nhọn CV-11	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 6-0, 2 kim tròn đầu nhọn CV-11	VP-706-X	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, nối mạch máu - Chỉ bằng Polypropylene phủ PEG, 6/0, dài 75cm, chịu lực suốt vòng đời, chất phủ polyethylene glycol (PEG) disterate và DSTDP (disteatyl-3,3' thidiopropionate) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim Surgalloy (Crom 12%, nickel 9%, Cu 2%, titan 0,9%,...), dài 13mm, 3/8C, kim phủ silicon sắc bén, giúp giảm tình trạng ăn mòn kim, theo công nghệ Nucoat - Đóng gói thông minh giúp giảm nhớ hình - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, FDA (cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa Kỳ). Xuất xứ: Châu Mỹ	Covidien	Dominica	Covidien LLC	36 tép/hộp	tép	300	124.000	37.200.000		công ty TNHH DƯỢC PHẨM PHƯƠNG PHƯƠNG	0305088954	1895/QĐ-BVCR	08/05/2024	BV Chợ Rẫy
11	N05.02.020.1712.175.0023	Chỉ tan đơn sợi có gai không cần buộc VLOC số 3-0 dài 30cm, kim tròn đầu nhọn V-20, 1/2C, 26mm. Chỉ giữ vết thương 14 ngày.	Chỉ tan đơn sợi có gai không cần buộc VLOC số 3-0 dài 30cm, kim tròn đầu nhọn V-20, 1/2C, 26mm. Chỉ giữ vết thương 14 ngày.	Chỉ tan đơn sợi có gai không cần buộc VLOC số 3-0 dài 30cm, kim tròn đầu nhọn V-20, 1/2C, 26mm. Chỉ giữ vết thương 14 ngày./ Chỉ tan đơn sợi có gai không cần buộc VLOC số 3-0 dài 30cm, kim tròn đầu nhọn V-20, 1/2C, 26mm. Chỉ giữ vết thương 21 ngày.	VLOCM0614	Chỉ tan trung bình đơn sợi Glycomer 631 có gai đầu tù, hướng gai một chiều, một đầu có vòng, không cần buộc, thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, số 3/0 dài 30cm, kim tròn V-20 cong1/2 vòng tròn, dài 26mm, loại kim SURGALLOY độ đàn hồi cao, kim sắc bén, được phủ silicon theo công nghệ Nucoat, đóng gói dạng vòng giúp tối thiểu nhớ hình, tiêu chuẩn FDA	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	12 tép/hộp	Tép	300	568.050	170.415.000		công ty TNHH DƯỢC PHẨM PHƯƠNG PHƯƠNG	0305088954	1895/QĐ-BVCR	08/05/2024	BV Chợ Rẫy

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
12	N05.02.020.1712.175.0030	Chỉ tan đơn sợi có gai không cần buộc VLOC số 4-0 dài 15cm, kim tròn đầu nhọn CV-15, 3/8C, 17mm. Chỉ giữ vết thương 21 ngày.	Chỉ tan đơn sợi có gai không cần buộc VLOC số 4-0 dài 15cm, kim tròn đầu nhọn CV-15, 3/8C, 17mm. Chỉ giữ vết thương 21 ngày.	Chỉ tan đơn sợi có gai không cần buộc VLOC số 4-0 dài 15cm, kim tròn đầu nhọn CV-15, 3/8C, 17mm. Chỉ giữ vết thương 21 ngày.	VLOCM1203	Chỉ tan trung bình đơn sợi Glycomer 631, có gai đầu tù, hướng gai một chiều, một đầu có vòng, không cần buộc, thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, số 4/0 dài 15cm, kim tròn CV-15 3/8C 17mm, loại kim SURGALLOY độ đàn hồi cao, sắc bén, được phủ silicon theo công nghệ Nucoat, đóng gói dạng vòng giúp tối thiểu nhớ hình, tiêu chuẩn FDA.	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	12 tép/hộp	Tép	200	567.945	113.589.000		công ty TNHH DƯỢC PHẨM PHƯƠNG PHƯƠNG	0305088954	1895/QĐ-BVCR	08/05/2024	BV Chợ Rẫy
13	N05.02.020.1712.175.0022	Chỉ tan đơn sợi có gai không cần buộc VLOC số 3-0 dài 15cm, kim tròn đầu nhọn V-20, 1/2C, 26mm. Chỉ giữ vết thương 14ngày.	Chỉ tan đơn sợi có gai không cần buộc VLOC số 3-0 dài 15cm, kim tròn đầu nhọn V-20, 1/2C, 26mm. Chỉ giữ vết thương 14ngày.	Chỉ tan đơn sợi có gai không cần buộc VLOC số 3-0 dài 15cm, kim tròn đầu nhọn V-20, 1/2C, 26mm. Chỉ giữ vết thương 14ngày.	VLOCM0604	Chỉ khâu tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu cơ, đường tiêu hoá - Chỉ bằng Glycomer 631 thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, có gai số 3/0, hướng gai một chiều, một đầu có vòng không cần buộc, dài 15cm, thời gian giữ vết thương 2 tuần, tan hoàn toàn 90 ngày. - 1 kim tròn đầu tròn, bằng Surgalloy 26mm, 1/2C, kim phủ silicone sắc bén giúp giảm tình trạng ăn mòn kim bằng công nghệ Nucoat - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA. Xuất xứ: G7	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	12 tép/hộp	Tép	200	568.050	113.610.000		công ty TNHH DƯỢC PHẨM PHƯƠNG PHƯƠNG	0305088954	973 /QĐ-BV	19/04/2024	BV 30/4
14	N01.02.040.0808.000.0002	Sanosil S010	Dung dịch sát khuẩn bề mặt và không khí	Sanosil S010	SS241050	Hoạt chất: Hydrogen peroxide 5 % (w/w), Ion Ag 0,005 % (w/w). Hiệu quả diệt khuẩn Vi khuẩn, nấm mốc : EN 13697 Mycobacterium: EN 14348 Virus: EN 14476 Bào tử: EN 13704	Công ty Cổ phần Công nghệ Lavitec	Việt Nam	Công ty Cổ phần Công nghệ Lavitec/ Việt Nam	Can 5L/ Thùng 04 can	Lít	50	1.600.000	80.000.000		Công ty TNHH Lavicom	vn0303398057	308/QĐ-BV	02/06/2024	Bệnh viện Quận 12
15	N06.04.051.0092.155.0013	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi phủ Plasmapore, lớp đệm kết hợp Vitamin E	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi phủ Plasmapore, lớp đệm kết hợp Vitamin E	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi phủ Plasmapore, lớp đệm kết hợp Vitamin E	Chuôi khớp: NK198T->NK208T Chỏm khớp: NK429K->NK672K Ổ cối: NV244T->NV258T Lót ổ cối: NV290E->NV316E Vít: NV010T->NV015T	Stem: có taper 8/10 & 12/14, biên độ xoay 135°, đường cắt xương 55°, có cánh & rãnh chống xoay chuyên biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần được phủ lớp với Công nghệ Plasmamore µ-CaP (calcium phosphate CaP) làm tăng tốc sự hình thành bề mặt xương tiếp xúc với chuôi khớp, * Chuôi làm bằng hợp kim ISOTAN F-Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Có 11 size chuẩn với kích cỡ và chiều dài như sau : 8:112mm, 9:116mm, 10:120mm, 11:124mm, 12:127mm, 13:131mm, 14:135mm, 15:138mm, 16:142mm, 17:146mm, 18:150mm. - Chiều dài chuôi (tính từ cổ chuôi đến cuối thân chuôi) 145-190mm. - Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần phủ lớp titanium nhám dày 0.35mm. * Liner:Chất liệu bằng Ultra high molecular weight polyethylene (ISO 5834-2) kết hợp Vitamine E - Độ dày lớp lót tại khu vực chịu lực chính, tối thiểu dày 5,5 mm. * Head: Có đường kính 22.2mm, 28mm, 32mm, 36mm, 40mm. Chất liệu ISODUR® F Cobalt-chromium forged alloy (CoCrMo / ISO 5832-12)	Aesculap AG	Đức	Aesculap AG/ Đức	Hộp/ Cái	Bộ	20	57.500.000	1.150.000.000		Công ty TNHH Thiết bị Y tế D.T.D	0314868277	1110/QĐ-BVTWCT	02/04/2024	BVĐK Trung Ương Cần Thơ

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
16	N06.04.053.0092.155.0005	Khớp gối toàn phần Vega FB, gập gối tối đa 160 độ	Khớp gối toàn phần Vega FB, gập gối tối đa 160 độ	Khớp gối toàn phần Vega FB, gập gối tối đa 160 độ	Lồi cầu: NX004K->NX034K Mâm chày: NX049K->NX057K Đệm mâm chày: NX100->NX142 Xương bánh chè: NX041->NX043	Khớp gối cố định toàn phần mâm chày không đối xứng, chất liệu chính của Lồi Cầu và Mâm Chày làm bằng hợp kim Cobalt-Chrome Molybdenum (CoCrMo) đánh bóng bề mặt, bên ngoài được phủ bởi các lớp hợp kim chromium nitride, chromium carbon nitride ngoài cùng phủ lớp zirconium nitride nhằm hạn chế tối thiểu các trường hợp bệnh nhân mẫn cảm với Cobalt và Chrome, lồi cầu dùi đa trục dạng J, thiết kế dạng chêm mặt cắt trước làm giảm thiểu mất xương và tăng diện tích tiếp xúc của lồi cầu lên bề mặt xương, gập gối tối đa 160 độ. - Lồi cầu có các Size : F1, F2, F3, F4, F5, F6, F7 ,F8. - Lớp đệm mâm chày được làm bằng vật liệu cao cấp Beta Polyethylent (UHMWPE -ISO 5834-2) có kích thước 10,12,14,16,18,20 mm, thiết kế nghiêng sau 3 độ làm giảm nguy cơ trật khớp. - Mâm chày thiết kế dạng vây cá gồm các size: T0, T1, T2, T3, T4, T5. Cơ chế kết hợp Mâm chày và lồi cầu : + T0: F1, F2, F3, khả thi F4 + T1: F1, F2, F3, F4, Khả thi F5 +T2 : F2, F3, F4, F5, Khả thi F1 và F6 + T3: F3, F4, F5, F6, Khả thi F2 và F7	Aesculap AG	Đức	Aesculap AG/ Đức	Hộp/ Cái	Bộ	5	70.000.000	350.000.000		Công ty TNHH Thiết bị Y tế D.T.D	0314868277	720/QĐ-SYT	28/06/2024	Sở Y Tế Tỉnh Đồng Nai
17	N06.04.052.0092.155.0016	Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi phủ Plasmapore	Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi phủ Plasmapore	Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi phủ Plasmapore	Chuôi khớp: NK198T->NK208T Chỏm khớp: NK330K->NK432K Ổ cối: NK019S->NK053S	Stem: có taper 8/10 & 12/14, Biên độ xoay 135°, đường cắt xương 55°, có cánh & rãnh chống xoay chuyên biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần được phủ lớp với Công nghệ Plasmamore µ-CaP (calcium phosphate CaP) làm tăng tốc sự hình thành bề mặt xương tiếp xúc với chuôi khớp, * Chuôi làm bằng hợp kim ISOTAN F-Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Có 11 size chuẩn với kích cỡ và chiều dài như sau : 8:112mm, 9:116mm, 10:120mm, 11:124mm, 12:127mm, 13:131mm, 14:135mm, 15:138mm, 16:142mm, 17:146mm, 18:150mm. -Chiều dài chuôi (tính từ cổ chuôi đến cuối thân chuôi): 145-190mm -Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần phủ lớp titanium nhám Plasmapore dày 0.35mm * Head: Chất liệu hợp kim ISODUR F Cobalt-chromium forged alloy (CoCrMo / ISO 5832-12). Có taper 12/14. Có biên độ xoay 135°, đầu gắn chỏm 22.2mm cho Bipolar có đường kính 39mm - 51mm, chỏm 28mm cho Bipolar cho đường kính 43mm - 55mm. Có nhiều size S, M, L, XL, XXL. * Cup bipolar: chất liệu Ultra high molecular weight	- Aesculap AG - Ortek AG	Đức/ Thuy Sỹ	Aesculap AG/ Đức	Hộp/ Cái	Bộ	30	43.000.000	1.290.000.000		Công ty TNHH Thiết bị Y tế D.T.D	0314868277	1110/QĐ-BVTWCT	02/04/2024	BVĐK Trung Ương Cần Thơ

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
18	N06.04.051.0092.155.0015	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi phủ Plasmapore, Ceramic On Ceramic	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi phủ Plasmapore, Ceramic On Ceramic	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi phủ Plasmapore, Ceramic On Ceramic	Chuôi khớp: NK198T->NK208T Chỏm khớp: NK460D->NK653D Ổ cối: NV244T->NV258T Lót ổ cối: NV089D->NV116D Vít: NV010T->NV015T	Stem:có taper 8/10 & 12/14, đường cắt xương 55°, có cánh & rãnh chống xoay chuyên biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần được phủ lớp với Công nghệ Plasmamore µ-CaP (calcium phosphate CaP) làm tăng tốc sự hình thành bề mặt xương tiếp xúc với chuôi khớp, * Chuôi làm bằng hợp kim ISOTAN F-Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Có 11 size chuẩn với kích cỡ và chiều dài như sau : 8:112mm, 9:116mm, 10:120mm, 11:124mm, 12:127mm, 13:131mm, 14:135mm, 15:138mm, 16:142mm, 17:146mm, 18:150mm. - Chiều dài chuôi (tính từ cổ chuôi đến cuối thân chuôi) 145-190mm. * Ổ cối: Phủ công nghệ độc quyền Plasmapore CaP giúp mau liền xương từ 8-12 tuần, có các size từ 40mm - 70mm, có 3 lỗ bắt vít hướng 11h, 12h, 13h. Chất liệu Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). * Liner: Chất liệu bằng Biolox® delta Aluminium Oxide matrix ceramic thế hệ mới nhất. Liner 40mm-46mm sử dụng head có đường kính 28mm, Liner 48mm-50mm sử dụng head có đường kính 32mm.	- Aesculap AG - Ceramtec GmbH	Đức	Aesculap AG/ Đức	Hộp/ Cái	Bộ	10	75.500.000	755.000.000		Công ty TNHH Thiết bị Y tế D.T.D	0314868277	1110/QĐ-BVTWCT	02/04/2024	BVĐK Trung Ương Cần Thơ
19	N06.04.051.0092.155.0014	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi phủ Plasmapore, Ceramic On Poly Vitamin E	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi phủ Plasmapore, Ceramic On Poly Vitamin E	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi phủ Plasmapore, Ceramic On Poly Vitamin E	Chuôi khớp: NK198T->NK208T Chỏm khớp: NK460D->NK653D Ổ cối: NV244T->NV258T Lót ổ cối: NV290E->NV316E Vít: NV010T->NV015T	Stem: có taper 8/10 & 12/14, biên độ xoay 135°, đường cắt xương 55°, có cánh & rãnh chống xoay chuyên biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần được phủ lớp với Công nghệ Plasmamore µ-CaP (calcium phosphate CaP) làm tăng tốc sự hình thành bề mặt xương tiếp xúc với chuôi khớp, * Chuôi làm bằng hợp kim ISOTAN F-Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Có 11 size chuẩn với kích cỡ và chiều dài như sau : 8:112mm, 9:116mm, 10:120mm, 11:124mm, 12:127mm, 13:131mm, 14:135mm, 15:138mm, 16:142mm, 17:146mm, 18:150mm. - Chiều dài chuôi (tính từ cổ chuôi đến cuối thân chuôi) 145-190mm. - Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần phủ lớp titanium nhám dày 0.35mm. * Ổ cối: Phủ công nghệ độc quyền Plasmapore 40% CaP giúp mau liền xương từ 8-12 tuần, có các size từ 44mm - 62mm thích hợp cho những bệnh nhân có Ổ cối nhỏ, có 3 lỗ bắt vít hướng 11h, 12h, 13h. Chất liệu Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). * Liner: Có bờ chống trật phía sau. Chất liệu bằng Ultra high molecular weight polyethylene (ISO 5834-	- Aesculap AG - Ceramtec GmbH	Đức	Aesculap AG/ Đức	Hộp/ Cái	Bộ	10	70.000.000	700.000.000		Công ty TNHH Thiết bị Y tế D.T.D	0314868277	1110/QĐ-BVTWCT	02/04/2024	BVĐK Trung Ương Cần Thơ

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5986	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
20	N06.04.050.1802.240.0002	Bộ khớp háng toàn phần, chuyển động kép chuôi HYPE với ổ cối loại Novae [illegible] TH	Bộ khớp háng toàn phần, chuyển động kép chuôi HYPE với ổ cối loại Novae Evolution TH	Bộ khớp háng toàn phần, chuyển động kép chuôi HYPE với ổ cối loại Novae Evolution TH	M45050001 - RM45050017 RM51100001 - RM51100065 RM30100001 - RM30100007 RM12000001 - RM12000011 RM65150013; RM65150015; RM65150017; RM6515001	1) Ổ cối: Vật liệu: thép không gỉ X18M25W, toàn bộ bề mặt ngoài ổ cối được phủ 1 lớp Titanium (dày 150±30µ) và lớp kích thích mọc xương Hydroxyapatite (dày 70±20µ) .Trên vành ổ cối có 1 quai để bắt vít phía trên bờ ổ cối hướng về xương chậu và 2 vít tán bên trong ổ cối có chiều dài 14mm, được phủ chất Alumina giúp giảm sự ăn mòn. Kích cỡ 43mm - 69mm (bước tăng 2mm). 2) Lót ổ cối: chuyển động kép. Vật liệu Polyethylene cao phân tử UHMWPE. Đường kính 22.2mm/28mm. 3) Cuống xương đùi: Vật liệu: Hợp kim Titanium TA6V, được phun một lớp phủ kép gồm một lớp Titanium dày 150µm và 1 lớp kích thích mọc xương Hydroxyapatite (HA) dày 80µm trên toàn bộ bề mặt chuôi. Có 8 rãnh chống lún, 4 rãnh chống xoay, 7 gờ răng. Góc cổ thân 130 độ. Cổ chuôi đầu gắn chóm đường kính taper 12/14. Chiều dài cổ từ 38mm-48mm. Kích cỡ/chiều dài từ 125 - 180mm. 4) Chóm: Vật liệu thép không gỉ. Kích cỡ 22,2mm (-2,5/0/+2,5), 28mm (-3,5/0/+3,5) 5) Vít bắt bờ ổ cối: Vật liệu thép không gỉ đường kính 5mm. Chiều dài từ 20mm-70mm (bước tăng 5mm)	Serf	Pháp	Serf/ Pháp	5 cái/ bộ	Bộ	5	72.000.000	360.000.000		Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Khởi Tâm	0313017347	1734/QĐ-BVNT	26/12/2023	Bệnh viện Nguyễn Trãi
21	N01.02.030.0358.271.0001	Dung dịch rửa, khử trùng quả lọc- VERTEXID	Dung dịch rửa màng lọc	Dung dịch rửa, khử trùng quả lọc- VERTEXID	VERTEXID	- Hydrogen Peroxide 26,53%, Acetic Acid 7,83%, Peracetic Acid 5,0% - Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001	Baloxy Thai Integral Co., Ltd	Thái Lan	Vertex Medsciences Company Limited / Thái Lan	Can 5kg	Lít	750	320.000	240.000.000		Công ty TNHH Thương mại Minh An	0302361203	484/QĐ-BVND115	16/04/2024	Bệnh viện Nhân dân 115
22	N04.03.020.1079.0000.0003	Bộ dây lọc thận 4 trong 1	Bộ dây lọc máu thận nhân tạo	Bộ dây lọc thận 4 trong 1	TMC-BL-16	- Bộ dây bao gồm: Bộ dây lọc máu: 01 bộ, tranducer protector, dây truyền dịch, túi xả 2 lít - Đường kính dây bơm: 8x12mm, dài 350mm hoặc 420mm - Sản xuất từ chất liệu PVC mềm, chống xoắn, không chứa DEHP - Bầu nhỏ giọt đường kính 20mm hoặc 22mm, có màng lọc; có T connector (dây kết nối chữ T) - Tổng chiều dài dây động mạch: 3900 ± 100mm, tổng chiều dài dây tĩnh mạch 4900 ± 100mm, trọng lượng dây động mạch: 150g ± 5%, trọng lượng dây tĩnh mạch: 189g ± 5%; hoặc Tổng chiều dài dây động mạch: 3800 ± 100mm, tổng chiều dài dây tĩnh mạch 4900 ± 100mm, trọng lượng dây động mạch: 158g ± 5%, trọng lượng dây tĩnh mạch: 204g ± 5% - Tiệt trùng bằng khí EO - Tiêu chuẩn: ISO 9001, ISO 13485	Công ty CP TTB-VTYT TMC	Việt Nam	Công ty CP TTB-VTYT TMC/ Việt Nam	01 bộ/ bao	Bộ	25.000	54.000	1.350.000.000		Công ty Cổ phần Thương mại và Dược phẩm Tân Thành	0102045497	Thông báo trúng thầu số 128/TB-BV	15/11/2023	Bệnh viện huyện Nhà Bè

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
23	N03.03.080.1079.000.0001	Bộ kim AVF	Kim chạy thận nhân tạo	Bộ kim AVF	TMC-AVF-016G TMC-AVF-017G	- Kim 16, 17G x 1" (25mm). - Đường kính kim 16G ID: 1,45 mm, OD: 1,65 mm; Kim 17G ID: 1,27 mm, OD: 1,47 mm - Đường kính ống dây ID: 3,2 mm, OD: 5,0 mm; dây dài 30 cm - Tổng chiều dài: 370 ± 10mm, tổng lượng kim 16G: 7.43 ± 2.0g, tổng trọng lượng kim 17G: 7.67 ± 2.0g - Cánh bướm xoay được quanh kim, có back-eye - Tiêu chuẩn: ISO 9001, ISO 13485	Công ty CP TTB-VTYT TMC	Việt Nam	Công ty CP TTB-VTYT TMC/ Việt Nam	01 kim/bao	Kim	25.000	6.490	162.250.000		Công ty Cổ phần Thương mại và Dược phẩm Tân Thành	0102045497	Thông báo trúng thầu số 1407/TB-BVĐHYD	22/04/2024	Bệnh viện Đại học y dược HCM
24	N04.04.010.0183.102.0003	Bộ catheter chạy thận nhân tạo 2 nhánh, ngắn hạn	Catheter chạy thận nhân tạo 02 nhánh cỡ 12FR, dài 20cm	Bộ catheter chạy thận nhân tạo 2 nhánh, ngắn hạn	DLC-1220-KGY	- Chất liệu Polyurethane 2 nòng, dài hạn có đường cản quang với đầu stepped - Dây dẫn chữ J có đánh dấu dài 70cm, làm bằng hợp kim Nitinol - Kim hình chữ Y 18G (1,25 mm x 7,0 cm) - Bơm tiêm 10cc - Que nong 2 cái: 12 Fr (4,0 mm x 11 cm), 14 Fr (4,66 mm x 14 cm) - Dao mổ # 11 - Dụng cụ tạo đường hầm - Tiêu chuẩn: ISO 13485; EC.	Ameco Medical Industries/ Egypt	Egypt	Ameco Medical Industries/ Egypt	01 bộ/bao	Bộ	129	580.000	74.820.000		Công ty Cổ phần Thương mại và Dược phẩm Tân Thành	0102045497	Quyết định số 728/QĐ-BVMĐ	22/05/2024	Bệnh viện đa khoa Mỹ Đức
25	N01.02.050.2789.240.0003	Dung dịch làm sạch dụng cụ y tế chứa 5 enzyme: Aniosyme Synergy 5	Dung dịch ngâm dụng cụ hỗn hợp 5 Enzym	ANIOSYME SYNERGY 5 (5L)	2235.036	Hỗn hợp 5 enzyme Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase, có thể sử dụng cho máy rửa khử khuẩn. Đạt tiêu chuẩn ISO 11930 (Khả năng kháng khuẩn của sản phẩm) Hiệu quả loại bỏ màng biofilm vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa theo tiêu chuẩn ISO/TS 15883-5 Nồng độ sử dụng: từ 0.1% (máy rửa) pH = 6.8-7.3 Thời gian: từ 5 phút Phù hợp với mọi chất lượng nước khác nhau	Anios	Pháp	Anios - Pháp	Can 5L	can	100	2.150.000	215.000.000		Tổng công ty thiết bị y tế Việt Nam - CTCP	0100124376	464/QĐ-BV	ngày 06/02/2024	BV Quân Y 175
26	N01.02.010.2789.240.0015	DERMANIOS SCRUB CHLORHEXIDINE 4% chai 500ml	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	DERMANIOS SCRUB CHLORHEXIDINE 4% (500ml)	2173.270	Chlorhexidine digluconate 4% Dung dịch xà phòng diệt khuẩn dùng trong vệ sinh tay ngoại khoa pH = 5.5 Đạt tiêu chuẩn dùng trong vệ sinh tay ngoại khoa theo yêu cầu của WHO: EN 12791. Diệt virus HIV,Rotavius, HBV, HCV.	Anios	Pháp	Anios - Pháp	Chai 500ml	Chai	500	145.000	72.500.000		Tổng công ty thiết bị y tế Việt Nam - CTCP	0100124376	464/QĐ-BV	ngày 06/02/2024	BV Quân Y 175

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
27	N01.02.030.2789.240.0008	ANIOS'CLEAN EXCEL D	Dung dịch ngâm dụng cụ	ANIOS'CLEAN EXCEL D (5L)	2416.036	Thành phần: 6,5% Didecyldimethyl ammonium chloride + 0,074% Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt non-ionic. Làm sạch và khử khuẩn dụng cụ y tế. Nồng độ sử dụng 0,5%, pH = 6.6 - 7.6 Thời gian tiếp xúc: từ 5 phút Diệt virus HIV-1, HBV, HCV, HSV, Vacinia theo tiêu chuẩn châu Âu EN 17111 Đạt tiêu chuẩn: - ISO 15883 (loại bỏ màng Biofilm) - Diệt khuẩn EN 14561 (Pseudomonas aeruginosa, Staphylococcus aureus, Enterococcus hirae...) - Diệt nấm EN 14562 (Candida albicans, Aspergillus niger...) - Diệt vi khuẩn lao EN 14563 (Mycobacterium terrae...)	Anios	Pháp	Anios - Pháp	Can 5L	Can	144	321.489	46.294.416		Tổng công ty thiết bị y tế Việt Nam - CTCP	0100124376	719/QĐ-SYT	ngày 28/6/2024	SYT tỉnh Đồng Nai
28	N01.02.050.2789.240.0004	Dung dịch tẩy gỉ dụng cụ y tế: Anios R444	Dung dịch tẩy gỉ dụng cụ y tế	ANIOS R444	0191.137	Acid Phosphoric 52,5% làm sáng bóng dụng cụ, loại bỏ vết mờ ố gỉ sét. Nồng độ sử dụng: 5% (50ml trong 1lít nước ấm). Thời gian ngâm: 1-2 giờ (kiểm tra bề mặt dụng cụ mỗi 30 phút). Thay mới dung dịch ngâm tối thiểu 1 lần một ngày	Anios	Pháp	Anios - Pháp	Chai 1 lít	Chai	100	1.300.000	130.000.000		Tổng công ty thiết bị y tế Việt Nam - CTCP	0100124376	464/QĐ-BV	ngày 06/02/2024	BV Quân Y 175
29	N01.02.040.2789.240.0008	ANIOSPRAY SURF 29 chai 1L	Dung dịch khử khuẩn bề mặt	ANIOSPRAY SURF 29 (1L)	2421.073	Thành phần: 0,053% Didecyldimethyl ammonium chloride + 0,064 % Chlorhexidine digluconate kết hợp 22,6% Ethanol. Khử khuẩn nhanh các bề mặt Thời gian tiếp xúc: từ 5 phút. Đạt tiêu chuẩn diệt khuẩn, diệt nấm EN 13697. Diệt virus (PRV, BVDV, HSV 1...) từ 1 phút.	Anios	Pháp	Anios - Pháp	Chai 1 lít	Chai	500	295.000	147.500.000		Tổng công ty thiết bị y tế Việt Nam - CTCP	0100124376	464/QĐ-BV	ngày 06/02/2024	BV Quân Y 175
30	N07.01.500.0106.125.0003	Phim X-quang y tế Agfa Drystar DT5.000IB 14x17inch (35x43cm)	Phim X-quang y tế Agfa Drystar DT5.000IB 14x17inch (35x43cm)	Phim X-quang y tế Agfa Drystar DT5.000IB 14x17inch (35x43cm)	DT5.000IB	- Phim khô, độ tương phản cao, rõ nét với in ấn y tế của thang xám ảnh trên 168µm PET - Độ nhạy quan học tối đa >3.0 - Phim nạp lộ sáng, không bị ảnh hưởng (hỏng phim) bởi ánh sáng ban ngày	Agfa-Gevaert NV	Bỉ	Agfa NV/ Bỉ	Hộp/ 100 tấm	tấm	32000	40.950	1.310.400.000		Công ty TNHH TBYT Đức Bình	303318881	1044/QĐ-BVNĐ1	17/05/2024	Bệnh viện nhi đồng 1
31	N07.02.070.2607.279.0001	Disposable Hemoperfusion Cartridge HA130	Quả hấp phụ máu HA130	Disposable Hemoperfusion Cartridge HA130	HA130	Vật liệu hấp phụ: hạt Resin bản chất là Styrene-divinylbenzene copolymers liên kết ngang kép (Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymer). Mục tiêu đích hấp phụ: Độc tố ure trọng lượng phân tử trung bình và độc tố urê gắn với protein: Renin Angiotensin; AGEs, Hcy, IS, PCS; TNF, IL, CRP; AOPP; PTH; β2-MG; Leptin. Vật liệu vỏ: Polycarbonate Thể tích chất hấp phụ: 130ml Thể tích khoang máu: 110ml Tốc độ máu tối đa: 450ml/phút. Diện tích hấp phụ: 52.000m2 Dải hấp phụ: 5~30kDa Độ chịu lực của hạt hấp phụ: 8,1N Phương thức khử trùng: chiếu xạ Năng lực hấp phụ: tỷ lệ hấp phụ: PTH: 53.4%; B2-MG: 44.7%; Creatinine: 85%; Protein toxins: 42%; IL-6: 21.8%~31.5%	Jafron Biomedical	Trung Quốc	Jafron Biomedical/ Trung Quốc	01 quả/ hộp	Quả	110	2.500.000	275.000.000		Công ty TNHH Thanh Phương	0101060894	157/QĐ-BVC	02/02/2024	Bệnh viện C Đà Nẵng

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
32	N07.02.060.2607.279.0002	Disposable Hemoperfusion Cartridge HA230	Quả lọc hấp phụ HA 230	Disposable Hemoperfusion Cartridge HA230	HA230	Vật liệu hấp phụ: hạt Resin bản chất là Styrene-divinylbenzene copolymers liên kết ngang kép (Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymer). Mục tiêu đích hấp phụ: ứng dụng điều trị Ngộ độc quá liều thuốc; độc tố sinh học: Nọc ong, nấm độc, mật cá, nọc rắn, bò cạp...; thuốc trừ sâu và thuốc diệt cỏ; các chất độc công nghiệp. Vật liệu vỏ: Polycarbonate Thể tích chất hấp phụ: 230ml Thể tích khoang máu: 145ml Tốc độ máu tối đa: 350ml/phút. Diện tích hấp phụ: 70.000m2 Dải hấp phụ: 500~10kDa Độ chịu lực của hạt hấp phụ: 8,1N Phương thức khử trùng: chiếu xạ Năng lực hấp phụ: tỷ lệ hấp phụ: Antipsychotic: 87.9%; Dichlorvos: 51.5%; Pentobarbital: 92.9%; Paraquat: 80.4%	Jafron Biomedical	Trung Quốc	Jafron Biomedical/ Trung Quốc	01 quả/ hộp	Quả	16	6.500.000	104.000.000		Công ty TNHH Thanh Phương	0101060894	526/QĐ-BVNTW	02/06/2024	Bệnh viện Nhi Trung Ương
33	N07.02.060.2607.279.0003	Disposable Hemoperfusion Cartridge HA280	QUẢ LỌC HẤP PHỤ HA280	Disposable Hemoperfusion Cartridge HA280	HA280	Vật liệu hấp phụ: hạt Resin bản chất là Styrene-divinylbenzene copolymers liên kết ngang kép (Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymer). Mục tiêu đích hấp phụ: chất tự miễn, chất trung gian gây viêm. Vật liệu vỏ: Polycarbonate Thể tích chất hấp phụ: 280ml Thể tích khoang máu: 155ml Tốc độ máu tối đa: 450 mL/phút Diện tích hấp phụ: 91.000m2 Dải hấp phụ: 15-100kDa Độ chịu lực của hạt hấp phụ 8,1N Phương thức khử trùng: chiếu xạ Năng lực hấp phụ: tỷ lệ hấp phụ: IL-6: 21.8%~31.5%; TNF-α: 44.2%, IgA: 48.3%, IgG: 53.6%	Jafron Biomedical	Trung Quốc	Jafron Biomedical/ Trung Quốc	01 quả/ hộp	Quả	3	10.650.000	31.950.000		Công ty TNHH Thanh Phương	0101060894	157/QĐ-BVC	02/02/2024	Bệnh viện C Đà Nẵng
34	N07.02.060.2607.279.0006	Disposable Hemoperfusion Cartridge HA330-II	QUẢ LỌC HẤP PHỤ HA330-II	Disposable Hemoperfusion Cartridge HA330-II	HA330-II	Vật liệu hấp phụ: hạt Resin bản chất là Styrene-divinylbenzene copolymers liên kết ngang kép (Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymer). Mục tiêu đích hấp phụ: các chất trung gian gây viêm, độc tố, bilirubin,v.v. trong viêm gan do thuốc, suy gan, và các biến chứng do bệnh não gan. Vật liệu vỏ: Polycarbonate Thể tích nhựa hấp phụ: 330ml Thể tích khoang máu: 185ml Tốc độ máu tối đa: 700 mL/phút Diện tích hấp phụ: 104.000m2 Dải hấp phụ: 10- 60 kDa Độ chịu lực của hạt hấp phụ 8,1N Phương thức khử trùng: chiếu xạ Năng lực hấp phụ: tỷ lệ hấp phụ Bilirubin: 16%; Bile Acid: 45%; Ammonia: 30.5%~60%; Endotoxin: 37.7%~56.3%	Jafron Biomedical	Trung Quốc	Jafron Biomedical/ Trung Quốc	01 quả/ hộp	Quả	10	15.000.000	150.000.000		Công ty TNHH Thanh Phương	0101060894	526/QĐ-BVNTW	02/06/2024	Bệnh viện Nhi Trung Ương

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
35	N07.02.060.2607.279.0001	Disposable Hemoperfusion Cartridge HA330	Quả lọc hấp phụ một lần HA330	Disposable Hemoperfusion Cartridge HA330	HA330	Vật liệu hấp phụ: hạt Resin bản chất là Styrene-divinylbenzene copolymers liên kết ngang kép (Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymer). Mục tiêu đích hấp phụ: cytokines, nội độc tố, TNF. Vật liệu vỏ: Polycarbonate Thể tích nhựa hấp phụ: 330ml Thể tích máu: 185ml Tốc độ máu tối đa: 700 mL/phút Diện tích hấp phụ: 104.000m2 Dải hấp phụ: 10- 60 kDa Độ chịu lực của hạt hấp phụ 8,1N Phương thức khử trùng: chiếu xạ Năng lực hấp phụ: tỷ lệ hấp phụ Endotoxin: 36.7% ~ 52.5%; TNF: 31.1%~71.2%; IL-1β: 35%	Jafron Biomedical	Trung Quốc	Jafron Biomedical/ Trung Quốc	01 quả/ hộp	Quả	5	12.150.000	60.750.000		Công ty TNHH Thanh Phương	0101060894	526/QĐ-BVNTW	02/06/2024	Bệnh viện Nhi Trung Ương
36	N07.02.080.2136.155.0017	Quả lọc máu Polysufone F7HPS thay thế thận dùng cho bệnh nhân suy thận mãn	Quả lọc F7HPS kèm theo 2 nắp đậy màng lọc	Quả lọc F7HPS kèm theo 2 nắp đậy màng lọc	5007071	Chất liệu màng lọc Polysulfone, diện tích màng 1.6 m2, hệ số siêu lọc: 16 ml/giờxmmHg, tiệt trùng bằng hơi nước INLINE.	Fresenius Medical Care Deutschland Gmbh St. Wendel Plant	Đức		12 quả/ thùng	Cái	6.000	360150	2.160.900.000		Công ty TNHH Thương Mại Thiết Bị Y Tế An Pha		3542/QĐ-BVVT	27/11/2023	Bệnh viện Vũng Tàu
37	N07.02.080.2136.155.0007	QuẢ lọc máu FX CorDiax 80	QuẢ lọc máu FX CorDiax 80	QuẢ lọc máu FX CorDiax 80	F00001591	Chất liệu màng lọc Polysulfone, diện tích màng 1.8 m2, hệ số siêu lọc: 64 ml/giờxmmHg, tiệt trùng bằng hơi nước INLINE.	Fresenius Medical Care Deutschland Gmbh St. Wendel Plant	Đức		24 quả (cái)/ thùng	Cái	1.000	525000	525.000.000		Công ty TNHH Thương Mại Thiết Bị Y Tế An Pha		3542/QĐ-BVVT	27/11/2023	Bệnh viện Vũng Tàu
38	N07.01.402.0550.155.0003	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số (DDDR), dày 6.5mm, cỡ 11cc, tương thích MRI	Máy tạo nhịp tim 2 buồng ENTICOS 4 DR +SOLIA S 53 + SOLIA S 60	Máy tạo nhịp tim 2 buồng ENTICOS 4 DR +SOLIA S 53 + SOLIA S 60	407155	Máy tạo nhịp 2 buồng, đáp ứng tần số, độ nhạy tự động- Tương thích MRI 1,5 Tesla toàn thân đến mức SAR 4 W/Kg.- Thời gian hoạt động 12 năm 4 tháng với đầy đủ chức năng chẩn đoán, kể cả 4 đoạn 2 kênh điện tim với tiền sử.- Kích thước máy: 48 mm × 44 mm × 6.5 mm- Nhịp cơ bản đến 200 n/p.- Có chức năng AV Hysteresis và IRSplus giảm tạo nhịp thất.- Có chức năng Atr. NIPS giúp phá các cơn nhanh nhĩ, rung nhĩ. Và phụ kiện chuẩn	Biotronik SE & Co.KG/ Đức	Đức		Hộp/ Cái	Bộ	5	92.000.000	460.000.000		Công ty TNHH XNK TTBYT Tâm Thu	0304918401	1338/QĐ-BVCR	04/02/2024	Bệnh viện Chợ Rẫy

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
39	N07.01.401.3937.175.0012	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tương thích MRI, Endurity MRI	Bộ máy tạo nhịp 01 buồng có nhịp đáp ứng vận động, cho phép chụp MRI 3 Tesla toàn thân, ghi nhận 14 phút điện tim và bảo hành 10 năm	Endurity MRI PM1172	PM1172	- Cho phép chụp MRI 3 Tesla toàn thân không có vùng giới hạn. - Bảo hành máy 10 năm và bảo hành pin 100% trong 6 năm đầu và 50% giảm dần trong 4 năm tiếp theo. - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay (SJM MRI Activator). Có thể chụp MRI ngay sau khi cấy máy. - Hệ thống tạo nhịp AutoCapture cho phép đáp ứng tối đa với ngưỡng tạo nhịp với khả năng xác nhận dẫn tạo nhịp theo từng xung Beat-by-Beat. Hệ thống tạo nhịp AutoCapture tự động phát xung dự phòng 5V khi phát hiện mất dẫn, có thể lập trình cả đơn cực hoặc lưỡng cực. - Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim lên đến 14 phút - Trọng lượng 19g, thể tích 9.7 cc	St. Jude Medical Cardiac Rhythm Management Division	Mỹ	St. Jude Medical Cardiac Rhythm Management Division/ Mỹ	Hộp/ 1 cái (cho từng bộ phận: Máy, dây điện cực và kim chọc)	Bộ	2	51.000.000	102.000.000		Công ty TNHH TBYT Khải Vinh	0312146808	- QĐ số 1265/QĐ-BV, ngày 11/07/2024; - Thư chấp thuận E-HSDT và traoHĐ, ngày 11/07/2024	11/07/2024	BV Thành Phố Thủ Đức, 79037
40	N07.01.402.3937.175.0012	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tương thích MRI, Endurity MRI	Bộ máy tạo nhịp 02 buồng có nhịp đáp ứng vận động, cho phép chụp MRI 3 Tesla toàn thân, ghi nhận 14 phút điện tim và bảo hành 8 năm	Endurity MRI PM2172	PM2172	- Cho phép chụp MRI 3 Tesla toàn thân không có vùng giới hạn. - Bảo hành máy 8 năm và bảo hành pin 100% trong 5 năm đầu và 50% giảm dần trong 3 năm tiếp theo. - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay (SJM MRI Activator). Có thể chụp MRI ngay sau khi cấy máy. - Hệ thống tạo nhịp AutoCapture cho phép đáp ứng tối đa với ngưỡng tạo nhịp với khả năng xác nhận dẫn tạo nhịp theo từng xung Beat-by-Beat. Hệ thống tạo nhịp AutoCapture tự động phát xung dự phòng 5V khi phát hiện mất dẫn, có thể lập trình cả đơn cực hoặc lưỡng cực. - Tính năng SenseAbility - Tự động nhận cảm - Có cảnh báo loạn nhịp nhanh nhĩ có thể lập trình được. - Tính năng Ventricular Intrinsic Preference - Ưu tiên dẫn truyền thất nội tại. - Tính năng tạo nhịp kiểm nén rung nhĩ AF Suppression - Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim lên đến 14 phút - Trọng lượng 20g, thể tích 10.4 cc	St. Jude Medical Cardiac Rhythm Management Division	Mỹ	St. Jude Medical Cardiac Rhythm Management Division/ Mỹ	Hộp/ 1 cái (cho từng bộ phận: Máy, dây điện cực và kim chọc)	Bộ	3	91.000.000	273.000.000		Công ty TNHH TBYT Khải Vinh	0312146808	- QĐ số 1265/QĐ-BV, ngày 11/07/2024; - Thư chấp thuận E-HSDT và traoHĐ, ngày 11/07/2024	11/07/2024	BV Thành Phố Thủ Đức, 79037

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
41	N03.02.070.5313.273.0001	Kim luồn Clip Ported, chất liệu FEP	Kim luồn tĩnh mạch an toàn 18G,20G,22G	Kim luồn tĩnh mạch an toàn	VP184501 VP203201 VP222501	Kim luồn mạch máu an toàn, có cánh, có cổng - Kim bằng thép không gỉ, phủ silicone, đầu kim 3 mặt vát, sắc bén. Có đầu bảo vệ bằng nhựa _Catheter chất liệu bằng Fluorinated Ethylene Propylene (FEP), có 4 đường ngầm cản quang _Kích cỡ: Kim 18G: kích thước 1.2mm * 45mm, tốc độ 100ml phút, màu xanh lá Kim 20G: kích thước 1.0mm * 32mm, tốc độ 64ml/ phút, màu hồng Kim 22G: kích thước 0.8mm * 25mm, tốc độ 38ml/ phút, màu xanh dương _Tương thích với các đầu nối của dây truyền, dây nối. - Đóng gói tiệt khuẩn EO - Áp lực 305 psi - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Vigmed AB	Thụy Điển	Vigmed AB/ Thụy Điển	50 cái/ hộp	Cái	100.000	15.400	1.540.000.000		Công ty TNHH Thương Mại Diên Niên	0313979224	237/TB-BVCR	24/04/2024	Bệnh Viện Chợ Rẫy
42	N02.01.040.6518.279.0001	Băng keo cá nhân	Băng keo cá nhân	Băng keo cá nhân	101 001	Băng keo cá nhân phủ keo acrylate Không thấm nước và thoáng khí KT: 72*19 mm Gạc thấm hút 120g/sqm, 23x12 mm Trọng lượng keo: 38±2g/sqm Lực bóc tách: ≥1.0N/cm Độ bám dính liên tục: ≤2.5mm sau 30 phút Khả năng thấm nước >800% Tiêu chuẩn ISO/CE và FDA	Zhejiang Hongyu Medical Commodity Co., Ltd	Trung Quốc	Zhejiang Hongyu Medical Commodity Co., Ltd	100 miếng/ hộp 100 hộp/ Thùng	Miếng	38.640	360	13.910.400		Công ty TNHH Thương Mại Diên Niên	0313979224	606TB-BVCC	10/05/2024	BỆNH VIỆN HUYỆN CỦ CHI
43	N02.02.020.6518.279.0001	Băng dính y tế	Băng có gạc kim luồn 6*7	Băng dính y tế	301 001	Băng vải không dệt mềm mại, phủ keo Acrylate không gây kích ứng da. KT: 6*8 cm Thiết kế hình chữ U Gạc thấm hút nhỏ 120g/sqm Trọng lượng keo: 35±2g/sqm Lực bóc tách: ≥1.0N/cm Độ bám dính liên tục: ≤2.5mm sau 30 phút Khả năng thấm nước > 500% Tiêu chuẩn ISO/CE và FDA	Zhejiang Hongyu Medical Commodity Co., Ltd	Trung Quốc	Zhejiang Hongyu Medical Commodity Co., Ltd	1 miếng/1 gói 100 gói/ hộp 20 hộp/ thùng	Miếng	11.550	2.200	25.410.000		Công ty TNHH Thương Mại Diên Niên	0313979224	606TB-BVCC	10/05/2024	BỆNH VIỆN HUYỆN CỦ CHI
44	N02.03.030.6450.279.0002	Băng phim dính y tế trong suốt có gạc vô trùng	Băng phim trong có gạc 6*7	Băng phim dính y tế trong suốt có gạc vô trùng	HUA030607	Film Polyurethan có độ đàn hồi cao Lớp gạc vô trùng Keo acrylic độ dính cao phù hợp cho da nhạy cảm Kích thước 6 cm x 7 cm Tiêu chuẩn ISO/CE/ FDA	Wuhan Huawei Technology Co.,Ltd	Trung Quốc	Wuhan Huawei Technology Co.,Ltd / Trung Quốc	100 miếng/ hộp	Miếng	500	7.000	3.500.000		Công ty TNHH Thương Mại Diên Niên	0313979224	606TB-BVCC	10/05/2024	BỆNH VIỆN HUYỆN CỦ CHI

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
45	N02.02.020.6450.279.0001	Băng phim dính y tế	Băng phim y tế trong suốt 12*10	Băng phim dính y tế	HUA051210A	Giấy lót phủ Silicon: 5 - 65% Film Polyurethane: 2 - 15%. Keo Acrylate : 3 - 30% KT: 12cm x 10 cm Tiêu chuẩn ISO/CE/ FDA	Wuhan Huawei Technology Co.,Ltd	Trung Quốc	Wuhan Huawei Technology Co.,Ltd / Trung Quốc	100 miếng/ hộp	Miếng	500	12.000	6.000.000		Công ty TNHH Thương Mại Diên Niên	0313979224	606TB-BVCC	10/05/2024	BỆNH VIỆN HUYỆN CỦ CHI
46	N02.02.020.6450.279.0001	Băng phim dính y tế	Băng phim y tế trong suốt 6*7	Băng phim dính y tế	HUA050706A	Giấy lót phủ Silicon: 5 - 65% Film Polyurethane: 2 - 15%. Keo Acrylate : 3 - 30% KT: 7cm x 6 cm Tiêu chuẩn ISO/CE/ FDA	Wuhan Huawei Technology Co.,Ltd	Trung Quốc	Wuhan Huawei Technology Co.,Ltd / Trung Quốc	100 miếng/ hộp	Miếng	1.200	4.000	4.800.000		Công ty TNHH Thương Mại Diên Niên	0313979224	606TB-BVCC	10/05/2024	BỆNH VIỆN HUYỆN CỦ CHI
47	N02.03.020.1163.000.0041	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp vô trùng	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp vô trùng	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp vô trùng	GPTVT9	Thành phần: Gạc hút nước 100% cotton. Quy cách: 10cm x 10cm x 8 lớp, tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn: TCCS/TCVN/ISO/CE hoặc các tài liệu có giá trị tương đương	An Lành	Việt Nam	An Lành/ Việt Nam	10 cái/ gói	Cái	450.000	676	304.200.000		Công ty TNHH Thương Mại Diên Niên	0313979224	606TB-BVCC	10/05/2024	BỆNH VIỆN HUYỆN CỦ CHI
48	N02.03.020.1163.000.0046	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 8 lớp vô trùng	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 8 lớp vô trùng cản quang	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 8 lớp vô trùng cản quang	GPTVTOB29	Thành phần: 100% bông xơ tự nhiên Quy cách: 30cm x40cm x 8 lớp tiệt trùng - Đạt tiêu chuẩn: TCCS/TCVN/ISO/CE hoặc các tài liệu có giá trị tương đương	An Lành	Việt Nam	An Lành/ Việt Nam	5 miếng/ gói	Miếng	7.500	8.175	61.312.500		Công ty TNHH Thương Mại Diên Niên	0313979224	606TB-BVCC	10/05/2024	BỆNH VIỆN HUYỆN CỦ CHI
49	N06.05.020.0349.269.0015	Lưới thoát vị bẹn, thành bụng OPTILENE MESH 15 X 15 CM	Lưới điều trị thoát vị 15cm x 15cm	OPTILENE MESH 15 X 15 CM	1065080	Mảnh ghép Polypropylene sọc xanh (Phthalocyaninato (2-) copper) 15 x15cm , kích thước lỗ 1.5mm, khối lượng 60g/m2, dày 0.55mm., lực căng kéo dọc: 70N/cm, lực căng kéo ngang trung bình 65N/cm. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A, Tây Ban Nha	Hộp/05 miếng	Miếng	50	1.904.000	95.200.000		Công ty TNHH Thương Mại Diên Niên	0313979224	Thư chấp thuận số 392/TCT-SYT	28/06/2024	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC LONG KHÁNH
50	N02.02.020.6450.279.0001	Băng phim dính y tế	Băng phim y tế trong suốt 6*7 có rãnh	Băng phim dính y tế	HUA050706B	Miếng dán có rãnh xẻ Giấy lót phủ Silicon: 5 - 65% Film Polyurethane: 2 - 15%. Keo Acrylate : 3 - 30% KT: 7cm x 6 cm Tiêu chuẩn ISO/CE/ FDA	Wuhan Huawei Technology Co.,Ltd	Trung Quốc	Wuhan Huawei Technology Co.,Ltd / Trung Quốc	100 miếng/ hộp	Miếng	5.000	2.400	12.000.000		Công ty TNHH Thương Mại Diên Niên	0313979224	Thư chấp thuận số 392/TCT-SYT	28/06/2024	BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
51	N05.02.090.0349.269.0002	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tan chậm đơn sợi MONOSYN VIOLET	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi số 3/0	MONOSYN VIOLET 3/0 (2) 70CM HR22 (M) RCP	C2022015	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 3/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 28.66N. Sức căng kéo giảm 50% sau 14 ngày, tan hoàn toàn sau từ 60 - 90 ngày. Đóng gói bao bên ngoài là màng nhôm, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE+PP. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A, Tây Ban Nha	Hộp/36 tép	Tép	180	90.100	16.218.000		Công ty TNHH Thương Mại Diên Niên	0313979224	462/QĐ-BVBD	31/5/2024	Bệnh Viện Bình Dân
52	N05.02.020.1677.020.0010	Băng keo cuộn co giãn FIX ROLL 10cm x 10 m	Băng keo cuộn co giãn 10cm x 10m	Băng keo cuộn co giãn FIX ROLL 10cm x 10m	F1010	Vải nền đan không dệt (Elastic Non-woven fabric) (10cm x 2.5m) co giãn, mềm mại, thoáng khí, độ bền kéo 3.0kg/12mm ± 300g. Phủ keo Acrylic trọng lượng 100g acrylic/m², độ dính 580g/12mm ± 30g an toàn cho mọi loại da, không sót keo sau khi tháo băng. Các vạch in sẵn giúp cắt theo kích cỡ phù hợp yêu cầu. Có kiểm tra vi sinh. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA	Công ty TNHH Young Chemical Vina	Việt Nam	Công ty TNHH Young Chemical Vina/ Việt Nam	1 cuộn/ hộp	Cuộn	500	150.000	75.000.000		Công ty TNHH Thương Mại Diên Niên	0313979224	1927/QĐ-BVTN	29/11/2023	Bệnh viện Thống Nhất
53	N05.02.090.0349.269.0001	Chỉ phẫu thuật tan trung bình tổng hợp đa sợi có chất kháng khuẩn NOVOSYN CHD	Chỉ tan kháng khuẩn số 1	NOVOSYN CHD VIOL 1 (4) 90CM HR40S (M)DDP	R1068557	Chỉ tan tổng hợp đa sợi kháng khuẩn Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) 50% + 50% CaSt phủ Chlorhexidine Diacetate (CHD) với nồng độ không quá 60µg/m, số 1, chỉ dài 90cm, kim tròn thân dày, 1/2 vòng tròn dài 40mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. Giá trị trung bình lực căng kéo nút thắt ≥ 49.8 N. Sức căng kéo giảm 40-50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn EC, ISO	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A, Tây Ban Nha	Hộp/24 tép	Tép	360	105.000	37.800.000		Công ty TNHH Thương Mại Diên Niên	0313979224	19/BMT-TB	21/03/2024	Bệnh viện Hùng Vương
54	N05.02.090.0349.269.0021	Chỉ phẫu thuật tan trung bình tổng hợp đa sợi có chất kháng khuẩn NOVOSYN CHD	Chỉ tan kháng khuẩn số 3/0	NOVOSYN CHD VIOL 3/0 (2) 70CM HR26(M)DDP	C1068041	Chỉ tan tổng hợp đa sợi kháng khuẩn Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) 50% + 50% CaSt phủ Chlorhexidine Diacetate (CHD) với nồng độ không quá 60µg/m, số 3/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. Giá trị trung bình lực căng kéo nút thắt ≥ 17.4N. Sức căng kéo giảm 40-50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn EC, ISO	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A, Tây Ban Nha	Hộp/36 tép	Tép	360	81.000	29.160.000		Công ty TNHH Thương Mại Diên Niên	0313979224	278/TB-BVCR	08/05/2024	Bệnh Viện Chợ Rẫy

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
55	N05.02.090.0349.269.0001	Chỉ phẫu thuật tan trung bình tổng hợp đa sợi có chất kháng khuẩn NOVOSYN CHD	Chỉ tan kháng khuẩn số 4/0	NOVOSYN CHD VIOL 4/0(1,5)70CM HR22(M)DDP	C1068029	Chỉ tan tổng hợp đa sợi kháng khuẩn Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) 50% + 50% CaSt phủ Chlorhexidine Diacetate (CHD) với nồng độ không quá 60µg/m, số 4/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. Giá trị trung bình lực căng kéo nút thắt ≥ 9.32 N. Sức căng kéo giảm 40-50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn EC, ISO	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A, Tây Ban Nha	Hộp/36 tép	Tép	360	123.000	44.280.000		Công ty TNHH Thương Mại Diên Niên	0313979224	278/TB-BVCR	08/05/2024	Bệnh Viện Chợ Rẫy
56	N05.02.090.0349.269.0002	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tan chậm đơn sợi MONOSYN VIOLET	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi số 4/0	MONOSYN VIOLET 4/0 (1,5) 70CM HR22(M)RCP	C2022014	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 4/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 20.75N. Sức căng kéo giảm 50% sau 14 ngày, tan hoàn toàn sau từ 60 - 90 ngày. Đóng gói bao bên ngoài là màng nhôm, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE+PP. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A, Tây Ban Nha	Hộp/36 tép	Tép	360	92.000	33.120.000		Công ty TNHH Thương Mại Diên Niên	0313979224	366/QĐ-BVĐK	09/07/2024	Bệnh viện đa khoa tỉnh Tây Ninh
57	N02.04.010.0242.175.0001	Dung dịch xịt dùng ngoài điều trị phòng ngừa loét do tỳ đè các loại	Dung dịch bảo vệ và hỗ trợ điều trị tổn thương da	Dung dịch bảo vệ và hỗ trợ điều trị tổn thương da 3M™ Cavilon™ No Sting Barrier Film 28ml	3346E	Dung dịch dùng ngoài dạng xịt điều trị phòng ngừa tổn thương da do dịch tiết, loét do áp lực - Thành phần chứa Hexamethyldisiloxane 65 - 90%, Isooctane 5 - 15%, Acrylate Terpolymer 3 - 10%, Polyphenylmethylsiloxane Copolymer 0.1 - 5%, trong suốt, vô trùng. Không chứa cồn. - Tạo lớp phủ bảo vệ, màng film mềm dẻo, có thể uốn cong mà không bị rạn nứt. - Khô trên da trong vòng 30s, không dính vào tã và quần áo. - Không gây bít tắc, không cản trở quá trình lành da, ít dị ứng. - Cung cấp độ ẩm cho da, cân bằng pH, tăng độ dính của keo trên da - Co giãn tốt và bền theo chuyển động da, duy trì tác dụng lên tới 72h, khó bị rửa trôi bởi nước. - Đóng gói tiệt khuẩn từng chai, dạng chai xịt, Thể tích 28ml	Aphena Pharma Solutions - Maryland, LLC	Hoa Kỳ	3M Center/ Hoa Kỳ	12 chai/thùng	Chai	100	240.000	24.000.000		CTY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT AN PHA	310073590	Quyết định số: 25/QĐ-BVNĐTP ngày 09 tháng 01 năm 2024	ngày 09 tháng 01 năm 2024	Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
58	N07.02.080.3277.232.0919	Qủa lọc thận nhân tạo	Quả lọc thận Super HighFlux 1.7 m2	Quả lọc thận Super HighFlux 1.7 m2 ELISIO-17HX	ELISIO-17HX	- Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron, không Bisphenol-A(BPA) và không DEHP. Vỏ quả lọc: Polypropylene. - Diện tích: 1.7 m2. - Hệ số siêu lọc: KUF: ≥ 67 (mL/giờ/mmHg). - Hệ số sàng lọc: + β2-Microglobulin ≥ 1 + Inulin = 1 + Albumin ≤ 0.0024 - Tiệt trùng: Tia Gamma	Nipro Corporation Odate Factory	Nhật Bản	Nipro Corporation/ Nhật Bản	24 cái/ thùng	Qủa/ cái	500	485.000	242.500.000		Công ty TNHH TM TBYT Quang Hưng	0315008683	1407/TB-BVĐHYD	22/04/2024	BV Đại học y dược TPHCM
59	N07.02.080.3277.232.0923	Qủa lọc thận nhân tạo	Quả lọc thận HighFlux 1.7 m2	Quả lọc thận HighFlux 1.7 m2 ELISIO-17H	ELISIO-17H	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A(BPA) và DEHP. Diện tích: 1,7 m2. Thể tích mồi: 105mL. Hệ số siêu lọc: KUF: 74 (mL/giờ/mmHg). TMP: 500mmHg. Độ dày thành sợi: 40 µm. Vỏ quả lọc: Polypropylene. Độ thanh thải (với Qb: 300ml/min): Ure: 285 ml/min Creatinine : 268 ml/min Phosphate: 254 ml/min Vitamin B12: 190 ml/min Tiệt trùng: Tia Gamma Đạt tiêu chuẩn: FDA, EC	Nipro Corporation Odate Factory	Nhật Bản	Nipro Corporation/ Nhật Bản	24 cái/ thùng	Qủa/ cái	500	427.500	213.750.000		Công ty TNHH TM TBYT Quang Hưng	0315008683	333/TB-BVCR	24/04/2024	Bệnh Viện Chợ Rẫy
60	N07.02.080.3277.232.0921	Qủa lọc thận nhân tạo	Qủa lọc thận MiddleFlux 1.7 m2	Quả lọc thận MiddleFlux 1.7 m2 ELISIO-17M	ELISIO-17M	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A(BPA), không DEHP. Diện tích: 1.7 m2. Hệ số siêu lọc: KUF: 22 (mL/giờ/mmHg). Tiệt trùng: Tia Gamma Thể tích mồi: 108 mL. TMP: 500mmHg. Độ dày thành sợi: 40 µm. Vỏ quả lọc: Polypropylene. Độ thanh thải (với Qb: 300ml/min): Ure: 270 ml/min; Creatinine : 251 ml/min; Phosphate: 221 ml/min; Vitamin B12: 143 ml/min.	Nipro Corporation Odate Factory	Nhật Bản	Nipro Corporation/ Nhật Bản	24 cái/ thùng	Qủa/ cái	500	295.000	147.500.000		Công ty TNHH TM TBYT Quang Hưng	0315008683	333/TB-BVCR	24/04/2024	Bệnh Viện Chợ Rẫy
61	N07.02.080.3277.232.0904	Qủa lọc thận nhân tạo	Quả lọc thận LowFlux 1.7 m2	Quả lọc thận LowFlux 1.7 m2 ELISIO-17L	ELISIO-17L	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A(BPA) và DEHP. Diện tích: 1.7 m2. Thể tích mồi: 104mL. Hệ số siêu lọc: KUF: 18 (mL/giờ/mmHg). TMP: 500mmHg. Độ dày thành sợi: 40 µm. Vỏ quả lọc: Polypropylene Độ thanh thải (với Qb: 300ml/min): Ure: 267 ml/min Creatinine : 246 ml/min Phosphate: 205 ml/min Vitamin B12: 124 ml/min. Tiệt trùng: Tia Gamma Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, EC	Nipro Corporation Odate Factory	Nhật Bản	Nipro Corporation/ Nhật Bản	24 cái/ thùng	Qủa/ cái	500	270.000	135.000.000		Công ty TNHH TM TBYT Quang Hưng	0315008683	333/TB-BVCR	24/04/2024	Bệnh Viện Chợ Rẫy

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
62	N04.03.010.4332.118.0003	Bộ dây dẫn nước nội soi vào ổ khớp, loại sử dụng theo máy	Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy	Bộ dây bơm nước nội soi chạy bằng máy	PV-5201SUTS	Kiểu dây SUST (single use tubing set) có hai đầu dây cắm vào chai dịch dẫn nước vào, có đầu đò nhận diện áp lực kết nối với máy bơm để điều chỉnh lưu lượng nước tiết kiệm nước, dùng với máy bơm áp lực PV-5201	Vimex sp. z o.o/	Ba Lan	Vimex sp. z o.o/ Ba Lan	Cái/ gói	Cái	100	980.000	98.000.000		Công Ty TNHH TMDV TBYT Cao Minh	0313727379	1666/QĐ-BV	25/04/2024	Bệnh viện Quân Y 175
63	N05.03.060.5609.279.0001	Lưỡi bào khớp đường kính các cỡ, các loại	Lưỡi bào nội soi khớp	Lưỡi bào khớp nội soi	4XXXXXX	Kiểu lưỡi đường kính từ 2.9, 3.4, 4,2 đến 5.3mm chiều dài 89, 124, 127, 133mm. tương thích với các tay bào (stryker, Livantec..)	Guangzhou Aquila Precise Tools Limited/	Trung Quốc	Guangzhou Aquila Precise Tools Limited/ Trung Quốc	1 cái/hộp	Cái	50	3.690.000	184.500.000		Công Ty TNHH TMDV TBYT Cao Minh	0313727379	1666/QĐ-BV	25/04/2024	Bệnh viện Quân Y 175
64	N05.03.090.5189.279.0001	Lưỡi cắt đốt bằng sóng radio các cỡ	Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio Plasma dùng trong nội soi khớp vai và khớp gối	Lưỡi cắt đốt bằng sóng radio các cỡ	FA XXXX-XXXX	Loại lưỡi cắt đốt đường kính 3.0mm/3.5mm/3.75mm chiều dài làm việc 15cm đầu lưỡi cong các góc: 90 độ/45 độ/ 30 độ. Các tính năng của lưỡi cắt đốt bằng sóng radio: Lưỡi sử dụng sóng radio lưỡng cực an toàn và hiệu quả. Tỷ lệ khoảng cách hoạt động và trở lại của sóng radio là xuất sắc, lỗ hút dịch kích thước lớn, Cách điện với cường độ điện cao duy trì hoạt động chọn lọc ở đầu lưỡi, Nhiệt độ tương đối thấp (40-70 độ C) với tổn thương nhiệt tối thiểu đối với các mô khỏe mạnh xung quanh, giảm đau hiệu quả. Lưỡi cắt đa chức năng kết hợp cắt bỏ, hút và đông máu. Có nhiều loại lưỡi để chọn tạo với cấu trúc một lớp plasma ổn định góp phần vào hiệu suất đáp ứng.	Shanghai Forerunner Medical Technology Co., Ltd/	Trung Quốc	Shanghai Forerunner Medical Technology Co., Ltd/ Trung Quốc	Cái/Hộp	Cái	50	5.496.000	274.800.000		Công Ty TNHH TMDV TBYT Cao Minh	0313727379	1666/QĐ-BV	25/04/2024	Bệnh viện Quân Y 175
65	N07.06.040.4132.240.0011	Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu EUROSCREW TCP	Vít tự tiêu cố định dây chằng chéo	Vít tự tiêu cố định dây chằng chéo TCP	T730XXX	Loại tự tiêu chất liệu PLA 70% + Beta Tri calcium phosphate 30% (ß -TCP) hoặc tương đương giúp xương mọc nhanh hơn.Vít rỗng, lõi vít thiết kế hình lục giác sử dụng với tournevis 6 cạnh. Đầu dạng bán cầu (hemispherical head) dùng cho xương đùi. Đầu dạng dẹt (flat-head) dùng cho xương chày.Vít có chóp mũi (conical tip) hơi vát tù, không nhọn, với vòng răng đầu mũi tự taro giúp dễ đưa vào.Những vòng răng sau dạng rounded bảo vệ khỏi sự cắt dây gân.Đường kính 7,8,9,10,11 mm và chiều dài 24mm, 30mm, 35 mm.	Teknimed SAS/	Pháp	Teknimed SAS/ Pháp	Cái/Hộp	Cái	30	3.647.000	109.410.000		Công Ty TNHH TMDV TBYT Cao Minh	0313727379	1666/QĐ-BV	25/04/2024	Bệnh viện Quân Y 175
66	N07.06.040.3639.175.0001	Vít treo cố định dây chằng chéo Colink	Vít neo cố định dây chằng	Vít chốt neo cố định dây chằng chéo các cỡ	TEK-OBCL-XX	Vòng treo được làm bằng Chất liệu 100% UHMW-PE (Ultra Hight Molecular Weight Polyethylene) hoặc tương đương và 1 nút titanium TiAl-6-4V ELI hoặc tương đương 4 lỗ, có hai dây kéo được làm bằng chất liệu (UHMWPE) với 2 màu khác nhau. Chiều dài vòng treo gồm 15, 20,25,30,35,40,45,50,55,60 mm Khả năng chịu tải kéo cao: ≤ 1500N. Tải trọng tối đa khi bị lỗi: 1565N	Riverpoint Medical LLC/	Mỹ	Riverpoint Medical LLC/ Mỹ	Cái/Hộp	Cái	10	7.000.000	70.000.000		Công Ty TNHH TMDV TBYT Cao Minh	0313727379	1666/QĐ-BV	25/04/2024	Bệnh viện Quân Y 175

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
67	N07.06.040.3639.175.0003	Vít treo cố định dây chằng chéo điều chỉnh chiều dài Colink Adjustable	Vít chốt neo điều chỉnh chiều dài các cỡ	Vít neo điều chỉnh độ dài	TEK-OBAL-XX	Vít treo gồm một vòng dây chất liệu 100% (UHMWPE) Ultra hight Molecular Weight Polyethylene hoặc tương đương có thể điều chỉnh chiều dài từ 15 mm tới 80 mm . 2 sợi dây kéo chất liệu Ultra hight Molecular Weight Polyethylene (UHMWPE) và 1 tấm titanium: Ti-AL-6-4V hoặc tương đương. Khả năng chịu tải kéo cao ≤ 1500N. Tải trọng tối đa khi bị lỗi: 1565N	Riverpoint Medical LLC/	Mỹ	Riverpoint Medical LLC/ Mỹ	Cái/Hộp	Cái	50	8.000.000	400.000.000		Công Ty TNHH TMDV TBYT Cao Minh	0313727379	1666/QĐ-BV	25/04/2024	Bệnh viện Quân Y 175
68	N07.06.040.2626.279.0105	Đinh chốt titan cẳng chân	Đinh chốt titan cẳng chân các cỡ	Đinh chốt titan cẳng chân	481	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính đinh 8/9/10mm. Chiều dài 255-375mm, mỗi bước tăng 15mm. - Đặc tính: thân đinh đặc (gồm 1 đinh, 1 nắp đinh và 9 vít). Các loại vít như sau: + Vít chốt khoá đường kính 4.8mm với chiều dài: 30-80mm, gia số tăng 5mm. + Vít chốt khoá đường kính 4.3mm với chiều dài: 25-80mm, gia số tăng 5mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Jiangsu Jinlu	Trung Quốc	Jiangsu Jinlu Group Medical Device Co., Ltd.	1 cây/gói	Cây	20	7.500.000	150.000.000		Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hào Nam	0303735317	Số quyết định: 271/QĐ-BVGV	06/03/2024	Bệnh viện Quận Gò Vấp
69	N07.06.040.2626.279.0104	Đinh chốt titan đùi	Đinh chốt titan đùi các cỡ	Đinh chốt titan đùi	485	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính đinh 9/10/11mm. Chiều dài 340-420mm, mỗi bước tăng 20mm. - Đặc tính: thân đinh rỗng (gồm 1 đinh, 1 nắp đinh và 4 vít). Các loại vít như sau: + Vít khoá Gamma đường kính 6.4mm với chiều dài 70-115mm, gia tăng số 5mm; + Vít chốt khoá đường kính 4.7mm với chiều dài: 26-60 mm, gia số tăng 2mm, 64-84mm gia tăng số 4mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Jiangsu Jinlu	Trung Quốc	Jiangsu Jinlu Group Medical Device Co., Ltd.	1 cây/gói	Cây	10	7.500.000	75.000.000		Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hào Nam	0303735317	Số quyết định: 271/QĐ-BVGV	06/03/2024	Bệnh viện Quận Gò Vấp
70	N07.06.040.2626.279.0102	Đinh Kirschner	Đinh Kirschner các cỡ	Đinh Kirschner các cỡ	47701-06	- Chất liệu: thép y khoa (stainless steel). - Kích cỡ: đường kính đinh 0.8/1.0/1.2/1.6/2.0/2.5mm. Chiều dài 200/250/300mm. - Đặc tính: thân đinh đặc - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Jiangsu Jinlu	Trung Quốc	Jiangsu Jinlu Group Medical Device Co., Ltd.	10 cây/gói	Cây	300	55.000	16.500.000		Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hào Nam	0303735317	Số quyết định: 155/QĐ-BV7B	23/02/2024	Bệnh viện Quân Y 7B
71	N07.06.040.2626.279.0107	Đinh Kirschner có răng	Đinh Kirschner có răng các cỡ	Đinh Kirschner có răng các cỡ	47710-13	- Chất liệu: thép y khoa (stainless steel). - Kích cỡ: đường kính đinh 0.8/1.0/1.2/1.6mm. Chiều dài 40~120mm. - Đặc tính: thân đinh đặc, mũi đinh có đoạn ren ngắn. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Jiangsu Jinlu	Trung Quốc	Jiangsu Jinlu Group Medical Device Co., Ltd.	10 cây/gói	Cây	150	55.000	8.250.000		Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hào Nam	0303735317	Số quyết định: 967/QĐ-BV	12/12/2023	Bệnh viện Quận Bình Tân
72	N07.06.040.2626.279.0079	Nẹp khóa đầu trên mâm chày	Nẹp khóa đầu trên mâm chày (trái, phải) các cỡ	Nẹp khóa đầu trên mâm chày (trái, phải) các cỡ	145	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3/5/6/7/8/9/10/11/13lỗ. Chiều dài: 99/139/159/179/199/219/239/259/299mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 6 lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khóa hoặc vít vỏ), thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép) và lỗ vít hình tròn, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vỏ đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Jiangsu Jinlu	Trung Quốc	Jiangsu Jinlu Group Medical Device Co., Ltd.	1 cái/gói	Cái	20	8.500.000	170.000.000		Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hào Nam	0303735317	Số quyết định: 790/QĐ-BV4	21/12/2023	Bệnh viện Quân Y 4

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
73	N07.06.040.2626.279.0046	nẹp khóa cẳng tay	Nẹp khóa cẳng tay 4-10 lỗ	Nẹp khoá cẳng tay	118	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10 lỗ. Chiều dài: 51/64/77/90/103/116/129mm. - Đặc tính: nẹp thẳng thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Jiangsu Jinlu	Trung Quốc	Jiangsu Jinlu Group Medical Device Co., Ltd.	1 cái/gói	Cái	20	3.000.000	60.000.000		Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hào Nam	0303735317	Số quyết định: 790/QĐ-BV4	21/12/2023	Bệnh viện Quân Y 4
74	N07.06.040.2626.279.0041	nẹp khóa chữ I	Nẹp khóa chữ I 4-10 lỗ	Nẹp khoá chữ I	100	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10 lỗ. Chiều dài: 23.2/28.5/33.8/39.1/44.4/49.7/55mm. - Đặc tính: nẹp thẳng có lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 2.0mm và vít vỏ đường kính 2.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Jiangsu Jinlu	Trung Quốc	Jiangsu Jinlu Group Medical Device Co., Ltd.	1 cái/gói	Cái	40	4.200.000	168.000.000		Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hào Nam	0303735317	Số quyết định: 2961/QĐ-BVQTP	27/12/2023	Bệnh viện Quận Tân Phú
75	N07.06.040.2626.279.0049	nẹp khóa lồi cầu ngoài cánh tay	Nẹp khóa lồi cầu ngoài cánh tay (trái, phải) các cỡ	Nẹp khóa lồi cầu ngoài cánh tay (trái, phải) các cỡ	134	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 5/6/7/8/9/10/11lỗ. Chiều dài: 99/111/123/135/147/159/171mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 5 lỗ vít khoá hình tròn dùng để sử dụng vít đường kính 2.7mm. Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ) và 1 lỗ vít dùng để nén ép để sử dụng vít đường kính 4.0mm, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 2.7mm/4.0mm và vít vỏ đường kính 2.7/4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Jiangsu Jinlu	Trung Quốc	Jiangsu Jinlu Group Medical Device Co., Ltd.	1 cái/gói	Cái	5	7.200.000	36.000.000		Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hào Nam	0303735317	Số quyết định: 2961/QĐ-BVQTP	27/12/2023	Bệnh viện Quận Tân Phú
76	N07.06.040.2626.279.0111	Nẹp khóa lồi cầu trong cánh tay	Nẹp khóa lồi cầu trong cánh tay (trái, phải) các cỡ	Nẹp khóa lồi cầu trong cánh tay (trái, phải) các cỡ	135	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10lỗ. Chiều dài: 79/91/103/115/127/139/151mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 4 lỗ vít khoá hình tròn dùng để sử dụng vít đường kính 2.7mm. Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ) và 1 lỗ vít dùng để nén ép để sử dụng vít đường kính 4.0mm, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 2.7mm/4.0mm và vít vỏ đường kính 2.7/4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Jiangsu Jinlu	Trung Quốc	Jiangsu Jinlu Group Medical Device Co., Ltd.	1 cái/gói	Cái	3	7.200.000	21.600.000		Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hào Nam	0303735317	Số quyết định: 2961/QĐ-BVQTP	27/12/2023	Bệnh viện Quận Tân Phú
77	N07.06.040.2626.279.0078	Nẹp khóa đầu dưới xương quay	Nẹp khóa đầu dưới xương quay (trái, phải) 3-6 lỗ	Nẹp khoá đầu dưới xương quay	127	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3/ 4/ 5/ 6lỗ. Chiều dài: 44/ 55/ 66/ 77mmmm. - Đặc tính: nẹp thẳng hình chữ T, đầu nẹp có 5 lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ), sử dụng vít 2.7mm. Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ) sử dụng vít 4.0mm,chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Jiangsu Jinlu	Trung Quốc	Jiangsu Jinlu Group Medical Device Co., Ltd.	1 cái/gói	Cái	30	3.900.000	117.000.000		Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hào Nam	0303735317	Số quyết định: 790/QĐ-BV4	21/12/2023	Bệnh viện Quân Y 4

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
78	N07.06.040.2626.279.0080	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay 3-10 lỗ	Nẹp khoá đầu trên xương cánh tay	132	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3/4/5/6/7/8/9/10lỗ. Chiều dài: 98/111/124/137/150/163/176/189mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 9 lỗ vít khoá hình tròn và 1 lỗ vít hình giọt nước dùng để nén ép, thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khóa hoặc vít vỏ), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Jiangsu Jinlu	Trung Quốc	Jiangsu Jinlu Group Medical Device Co., Ltd.	1 cái/gói	Cái	10	8.700.000	87.000.000		Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hào Nam	0303735317	Số quyết định: 790/QĐ-BV4	21/12/2023	Bệnh viện Quân Y 4
79	N07.06.040.2626.279.0050	nẹp khóa mắc xích	Nẹp khóa mắc xích 4 - 12 lỗ	Nẹp khoá mắc xích	156	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10/12 lỗ. Chiều dài: 48/60/72/84/96/108/120/144mm. - Đặc tính: nẹp thẳng có lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Jiangsu Jinlu	Trung Quốc	Jiangsu Jinlu Group Medical Device Co., Ltd.	1 cái/gói	Cái	40	4.200.000	168.000.000		Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hào Nam	0303735317	Số quyết định: 790/QĐ-BV4	21/12/2023	Bệnh viện Quân Y 4
80	N07.06.040.2626.279.0054	Nẹp khóa xương đòn S	Nẹp khóa xương đòn S (trái, phải) 4-10 lỗ	Nẹp khoá xương đòn S	119	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/6/7/8/9/10 lỗ. Chiều dài: 45/69/81/93/105/117mm. - Đặc tính: nẹp hình chữ S thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Jiangsu Jinlu	Trung Quốc	Jiangsu Jinlu Group Medical Device Co., Ltd.	1 cái/gói	Cái	30	4.000.000	120.000.000		Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hào Nam	0303735317	Số quyết định: 967/QĐ-BV	12/12/2023	Bệnh viện Quận Bình Tân
81	N07.06.040.2626.279.0060	Nẹp khóa đa hướng khớp cùng đòn	Nẹp khóa đa hướng khớp cùng đòn (trái, phải) các cỡ	Nẹp khóa đa hướng khớp cùng đòn	305	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3/4/5/6/7/8/9/10 lỗ. Chiều dài: 61/71/81/91/101/111/121/131mm. - Đặc tính: Đầu nẹp là hình tam giác có móc, có 2 lỗ vít khoá đa hướng (lỗ vít khoá đa hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh) và 1 lỗ vít hình tròn, thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ) và 1 lỗ vít dùng để nén ép, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Jiangsu Jinlu	Trung Quốc	Jiangsu Jinlu Group Medical Device Co., Ltd.	1 cái/gói	Cái	10	8.000.000	80.000.000		Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hào Nam	0303735317	Số quyết định: 271/QĐ-BVGV	06/03/2024	Bệnh viện Quận Gò Vấp
82	N07.06.040.2626.279.0081	Nẹp khóa ốp lồi cầu đùi	Nẹp khoá ốp lồi cầu đùi (trái, phải) các cỡ	Nẹp khoá ốp lồi cầu đùi (trái, phải) các cỡ	160	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10/11/12/13lỗ. Chiều dài: 139/159/179/199/219/239/259/279/299/319mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 7 lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khóa hoặc vít vỏ), thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép) và lỗ vít hình tròn, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vỏ đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Jiangsu Jinlu	Trung Quốc	Jiangsu Jinlu Group Medical Device Co., Ltd.	1 cái/gói	Cái	10	8.500.000	85.000.000		Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hào Nam	0303735317	Số quyết định: 790/QĐ-BV4	21/12/2023	Bệnh viện Quân Y 4

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
83	N07.06.040.2626.279.0011	Nẹp khóa đầu dưới xương mác	Nẹp khóa đầu dưới xương mác các cỡ	Nẹp khoá đầu dưới xương mác các cỡ	138	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3/4/5/6lỗ. Chiều dài: 74/86/98/110mm. - Đặc tính: nẹp thẳng, đầu nẹp có móc giúp cố định chỗ gãy thuận lợi hơn và có 4 lỗ vít khoá hình tròn, thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 2.7/4.0mm và vít vỏ đường kính 2.7/4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Jiangsu Jinlu	Trung Quốc	Jiangsu Jinlu Group Medical Device Co., Ltd.	1 cái/gói	Cái	20	6.600.000	132.000.000		Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hào Nam	0303735317	Số quyết định: 271/QĐ-BVGV	06/03/2024	Bệnh viện Quân Gò Vấp
84	N07.06.040.2626.279.0017	Vít Khóa đường kính 2.7mm	Vít khóa 2.7 x 6-60	Vít khoá đường kính 2.7mm	173	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 2.7mm, chiều dài: 6/8/10/12/14/16/18/20/22/24/26/28/30mm và 35/40/45/50/55/60 mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình ngôi sao. Dùng tuốc nơ vít hình ngôi sao. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Jiangsu Jinlu	Trung Quốc	Jiangsu Jinlu Group Medical Device Co., Ltd.	2 cái/gói	Cái	500	450.000	225.000.000		Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hào Nam	0303735317	Số quyết định: 271/QĐ-BVGV	06/03/2024	Bệnh viện Quân Gò Vấp
85	N07.06.040.2626.279.0018	Vít khóa đường kính 4.0mm	Vít khóa 4.0 x 12-60	Vít khoá đường kính 4.0mm	178	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài: 12/14/16/18/20/22/24/26/28/30/32/34/36/38/40/42/44/46/48/50/52/54/56/58/60mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Jiangsu Jinlu	Trung Quốc	Jiangsu Jinlu Group Medical Device Co., Ltd.	2 cái/gói	Cái	1000	450.000	450.000.000		Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hào Nam	0303735317	Số quyết định: 271/QĐ-BVGV	06/03/2024	Bệnh viện Quân Gò Vấp
86	N07.06.040.2626.279.0019	Vít khóa đường kính 5.0mm	Vít khóa 5.0 x 18-90	Vít khoá đường kính 5.0mm	182	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 5.0mm, chiều dài: 18/20/22/24/26/28/30/32/34/36/38/40/42/44/46/48/50/52/54/56/58/60mm và 65/70/75/80/85/90mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Jiangsu Jinlu	Trung Quốc	Jiangsu Jinlu Group Medical Device Co., Ltd.	2 cái/gói	Cái	300	500.000	150.000.000		Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hào Nam	0303735317	Số quyết định: 271/QĐ-BVGV	06/03/2024	Bệnh viện Quân Gò Vấp
87	N01.01.010.4427.279.0004	Gạc tẩm Isopropyl alcol 70%	Gạc tẩm cồn Alcohol pad 8*10cm	Gạc tẩm cồn Alcohol pad 8*10cm	BZK-010	- Gạc tẩm cồn dùng sát khuẩn ngoài da. - Chất liệu: Vải không dệt, cồn Isopropyl 70% - Kích thước 8*10cm. - Gạc tẩm cồn 4-6 lớp vô trùng nhỏ gọn tiện sử dụng, đóng gói từng miếng. - Giảm nhiễm khuẩn huyết liên quan đến tiêm truyền. - Đạt tiêu chuẩn ISO.	Wuxi Medical Instrument Factory Co., Ltd.	Trung Quốc	Wuxi Medical Instrument Factory Co., Ltd./Trung Quốc	Hộp/ 100 Miếng	Miếng	1.200.000	374	448.800.000		Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Mai Việt Anh	303291196	462/QĐ-BVBD	31/05/2024	BỆNH VIỆN BÌNH DÂN
88	N00.00.000.1635.000.0004	Bao giày phẫu thuật các loại, các cỡ	Bao giày không tiệt trùng	Bao giày phẫu thuật	-	Chất liệu: vải PP 100% định lượng 30g/m² , kích thước : 17cm x 40 cm, dây thun 2 sợi cao su 4mm có độ co giãn tốt trên cổ giày , chiều cao qua khỏi mắt cá đủ lớn để bao phủ đôi giày	Công ty TNHH Vật tư & Trang thiết bị Y tế Hạnh Phú	Việt Nam	Công ty TNHH Vật tư & Trang thiết bị Y tế Hạnh Phú/ Việt Nam	Bịch/ 50 đôi	Đôi	753.500	1.099	828.096.500		Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Mai Việt Anh	303291196	65/QĐ-BVBD	17/01/2024	BỆNH VIỆN BÌNH DÂN

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
89	N03.07.070.1660.000.0055	Ống nghiệm Citrate 3.8% (0.9ml)	Ống nghiệm Citrate 3.8% (0.9ml)	Ống nghiệm Citrate 3.8% (0.9ml)	264464	+ Chất liệu nhựa nguyên sinh PP 13x75mm, nắp nhựa LDPE + Có chứng nhận thử nghiệm của Bộ Y Tế + Phù hợp TCVN 7612:2007. + Màu nhãn và nắp: Xanh dương (hoặc xanh lá) + ISO 13485:2016 + Chất phụ gia: TriSodium Citrate 3.8% (tỉ lệ 9:1) + Thể tích lấy máu: 0.9ml + HSD: 36 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm	Công ty Cổ phần Xuất Khẩu BONA	Việt Nam	Công ty Cổ phần Xuất Khẩu BONA/ Việt Nam	100 Ống/ Khay	ống	75.000	625	46.875.000		Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Mai Việt Anh	303291196	415/QĐ-SYT	24/04/2024	SYT ĐỒNG NAI
90	N03.07.070.1660.000.0083	Ống nghiệm Nắp bật (EPPENDORF) 1.5ml	Ống nghiệm Nắp bật (EPPENDORF) 1.5ml	Ống nghiệm Nắp bật (EPPENDORF) 1.5ml	264600	+ Chất liệu nhựa nguyên sinh PP 10.2x40mm, nắp liền thân + ISO 13485:2016 + Thể tích lấy mẫu: 1.5ml + HSD: 60 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm	Công ty Cổ phần Xuất Khẩu BONA	Việt Nam	Công ty Cổ phần Xuất Khẩu BONA/ Việt Nam	500 ống/bịch	ống	732.000	244	178.608.000		Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Mai Việt Anh	303291196	415/QĐ-SYT	24/04/2024	SYT ĐỒNG NAI
91	N03.07.070.1660.000.0064	Lọ nhựa đựng mẫu PP 50ml (Tiệt trùng)	Lọ nhựa đựng mẫu PP 50ml (Tiệt trùng)	Lọ nhựa đựng mẫu PP 50ml (Tiệt trùng)	264365	+ Chất liệu nhựa PP/PS nguyên sinh trong suốt, nắp xoay 2 vòng. Kích thước 65x34mm + Tiệt trùng bằng công nghệ khí EO. + Đóng gói riêng lẻ 1 cái/1 gói. + ISO 13485:2016 + Thể tích 50ml + HSD: 60 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm	Công ty Cổ phần Xuất Khẩu BONA	Việt Nam	Công ty Cổ phần Xuất Khẩu BONA/ Việt Nam	01 lọ/bịch	Cái	23.500	1.440	33.840.000		Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Mai Việt Anh	303291196	1568/QĐ-SYT	06/06/2024	SYT KIÊN GIANG
92	N03.07.070.1660.000.0039	Ống nghiệm EDTA K2 - Nắp cao su (2ml)	Ống nghiệm EDTA K2 - Nắp cao su (2ml)	Ống nghiệm EDTA K2 - Nắp cao su (2ml)	264174	+ Chất liệu nhựa nguyên sinh PP 13x75mm, nắp cao su bọc nhựa LDPE + Có chứng nhận thử nghiệm của Bộ Y Tế + Phù hợp TCVN 7612:2007. + Màu nhãn và nắp: tím (hoặc xanh dương) + ISO 13485:2016 + Chất phụ gia: EDTA K2 + Thể tích lấy máu: 2ml + HSD: 36 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm	Công ty Cổ phần Xuất Khẩu BONA	Việt Nam	Công ty Cổ phần Xuất Khẩu BONA/ Việt Nam	100 Ống/ Khay	ống	73.500	866	63.651.000		Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Mai Việt Anh	303291196	1568/QĐ-SYT	06/06/2024	SYT KIÊN GIANG
93	N03.07.070.1660.000.0043	Ống nghiệm Lithium Heparin (1ml)	Ống nghiệm Lithium Heparin (1ml)	Ống nghiệm Lithium Heparin (1ml)	264082	+ Chất liệu nhựa nguyên sinh PP 13x75mm, nắp nhựa LDPE + Có chứng nhận thử nghiệm của Bộ Y Tế + Phù hợp TCVN 7612:2007. + Màu nhãn và nắp: Xanh lá (hoặc đen) + ISO 13485:2016 + Chất phụ gia: Lithium Heparin + Thể tích lấy máu: 1ml + HSD: 36 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm	Công ty Cổ phần Xuất Khẩu BONA	Việt Nam	Công ty Cổ phần Xuất Khẩu BONA/ Việt Nam	100 Ống/ Khay	ống	182.300	598	109.015.400		Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Mai Việt Anh	303291196	415/QĐ-SYT	24/04/2024	SYT ĐỒNG NAI

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
94	N03.07.070.1660.000.0061	Ống nghiệm Serum 2ml	Ống nghiệm Serum 2ml	Ống nghiệm Serum 2ml	264211	+ Chất liệu nhựa nguyên sinh PP 13x75mm, nắp cao su bọc nhựa LDPE + Có chứng nhận thử nghiệm của Bộ Y Tế + Phù hợp TCVN 7612:2007. + Màu nhãn và nắp: Đỏ + ISO 13485:2016 + Chất phụ gia Silica + hạt nhựa + Thể tích lấy máu: 2ml + HSD: 36 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm	Công ty Cổ phần Xuất Khẩu BONA	Việt Nam	Công ty Cổ phần Xuất Khẩu BONA/ Việt Nam	100 Ống/ Khay	ống	10.000	722	7.220.000		Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Mai Việt Anh	303291196	489/TB-BVPN	06/12/2023	BỆNH VIỆN PHÚ NHUẬN
95	N06.03.010.2351.184.0015	Thủy tinh thể nhân tạo BunnyLens HP Easy	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, không ngậm nước, 4 càng	Thủy tinh thể nhân tạo BunnyLens HP Easy	BunnyLens HP Easy	"- Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, phi cầu, 4 càng, ngăn chặn tia UV, lọc ánh sáng tím, màu vàng tự nhiên. - Có khả năng lọc ánh sáng có bước sóng ≤ 400 nm - Chất liệu: Hydrophobic Acrylic; Đường kính optic ≥ 6mm, đường kính tổng ≥ 11mm. - Góc càng ≥ 5 độ; Bờ vuông liên tục 360 độ - Dải công suất từ 5.0D đến ≥ 35.0D (từ 5.0D đến 10.0D và từ 31.0D đến 35.0D tăng mỗi mức 1.D; từ 10.5D đến 30.0D, tăng mỗi mức 0.5D). - Hằng số A ≤ 118.9; Chỉ số khúc xạ ≤ 1.48. - Cầu sai ≥ -0.14µm; Độ sâu tiền phòng (pACD) ≤ 5.6 - Chỉ số ABBE ≥ 49 - Kích thước vết mổ ≤ 2.2mm. - Thủy tinh thể được lắp sẵn trong cartridge liền injector.	Hanita	Israel	Israel	Hộp/cái	Cái	300	3.000.000,00	900.000.000		Công ty Cổ Phần Thương Mại & Dịch Vụ Việt Can	0302438819	Số thông báo Số: 264/TB-BVH	Ngày:25/01/2024	Bệnh Viện TW Huế
96	N05.02.050.1141.000.0059	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 0, kim tròn, dài 36 mm, C40A36	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 0, kim tròn, dài 36mm, C40A36	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 0, kim tròn, dài 36mm, C40A36	C40A36	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 36 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quảXtraCoat	CPT	Việt Nam	CPT-Việt Nam	H / 24 tép	Tép	70	26.460	1.852.200		CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MINH HOÀNG	0312728203	03/QĐ-TTYT	09/01/2024	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẦN GIỜ
97	N05.02.050.1141.000.0051	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 2/0, kim tròn, dài 26 mm, C30A26	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 2/0, kim tròn, dài 26 mm, C30A26	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 2/0, kim tròn, dài 26 mm, C30A26	C30A26	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quảXtraCoat	CPT	Việt Nam	CPT-Việt Nam	H / 24 tép	Tép	3600	25.200	90.720.000		CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MINH HOÀNG	0312728203	33/QĐ BVBBT	24/01/2024	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC BẮC BÌNH THUẬN
98	N05.02.050.1141.000.0086	Chỉ TekChrom (Chromic Catgut) số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 36 mm	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 2/0, kim tròn, dài 36 mm, C30A36	Chỉ TekChrom (Chromic Catgut) số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 36 mm	TC30HR36	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 36 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quảXtraCoat	CPT	Việt Nam	CPT-Việt Nam	H / 24 tép	Tép	8216	15.225	125.088.600		CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MINH HOÀNG	0312728203	300/QĐ-BVĐK	09/05/2024	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH BÌNH DƯƠNG

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
99	N05.02.050.1141.000.0047	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 3/0, kim tròn, dài 26 mm, C25A26	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 3/0, kim tròn, dài 26mm, C25A26	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 3/0, kim tròn, dài 26mm, C25A26	C25A26	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quảXtraCoat	CPT	Việt Nam	CPT-Việt Nam	H / 24 tép	Tép	144	28.350	4.082.400		CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MINH HOÀNG	0312728203	33/QĐ BVBBT	24/01/2024	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC BẮC BÌNH THUẬN
100	N05.02.030.1141.000.0150	Chỉ Carelon (Nylon) số 10/0, dài 30 cm, 2 kim hình thang, dài 6 mm, M02HH06L30	Chỉ Carelon (Nylon) số 10/0, dài 30 cm, 2 kim hình thang, dài 6 mm, M02HH06L30	Chỉ Carelon (Nylon) số 10/0, dài 30 cm, 2 kim hình thang, dài 6 mm, M02HH06L30	M02HH06L30	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 10/0, dài 30 cm, 2 kim hình thang 3/8c, dài 6 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	CPT	Việt Nam	CPT-Việt Nam	H / 12 tép	Tép	156	124.950	19.492.200		CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MINH HOÀNG	0312728203	415/QĐ-SYT	24/04/2024	SYT ĐỒNG NAI
101	N05.02.030.1141.000.0198	Chỉ Carelon (Nylon) số 2/0, kim tam giác, dài 26 mm, M30E26	Chỉ Carelon (Nylon) số 2/0, kim tam giác, dài 26 mm, M30E26	Chỉ Carelon (Nylon) số 2/0, kim tam giác, dài 26 mm, M30E26	M30E26	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn UltraGlyde	CPT	Việt Nam	CPT-Việt Nam	H / 24 tép	Tép	152	14.700	2.234.400		CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MINH HOÀNG	0312728203	03/QĐ-TTYT	09/01/2024	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẦN GIỜ
102	N05.02.030.1141.000.0313	Chỉ Teklon (Nylon) số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm	Chỉ Carelon (Nylon) số 3/0, kim tam giác, dài 26 mm, M25E26	Chỉ Teklon (Nylon) số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm	TM25DS26	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn UltraGlyde	CPT	Việt Nam	CPT-Việt Nam	H / 24 tép	Tép	2880	9.870	28.425.600		CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MINH HOÀNG	0312728203	425/QĐ-PNT	04/07/2024	BỆNH VIỆN PHẠM NGỌC THẠCH
103	N05.02.030.1141.000.0308	Chỉ Teklon (Nylon) số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm	Chỉ Carelon (Nylon) số 4/0, kim tam giác, dài 18 mm, M15E18	Chỉ Teklon (Nylon) số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm	TM15DS18	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn UltraGlyde	CPT	Việt Nam	CPT-Việt Nam	H / 24 tép	Tép	1000	9.975	9.975.000		CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MINH HOÀNG	0312728203	790/QĐ-BV4	21/12/2023	BỆNH VIỆN QUÂN Y 4 - CỤC HẬU CẦN - QUÂN ĐOÀN 4
104	N05.02.030.1141.000.0185	Chỉ Carelon (Nylon) số 4/0, kim tam giác, dài 19 mm, M15E19	Chỉ polyamid 6 số 4/0, chỉ dài 75cm, kim cắt tam giác ngược, 3/8 đường tròn, chiều dài kim 19mm	Chỉ không tan tổng hợp Carelon (Nylon) số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 19 mm, M15E19	M15E19	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 19 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn UltraGlyde	CPT	Việt Nam	CPT-Việt Nam	H / 24 tép	Tép	48	15.750	756.000		CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MINH HOÀNG	0312728203	33/QĐ BVBBT	24/01/2024	BỆNIi VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC BẮC BÌNH THUẬN
105	N05.02.030.1141.000.0323	Chỉ Teklon (Nylon) số 6/0, dài 75 cm, kim tam giác 1/2c, dài 13 mm	Chỉ Carelon (Nylon) số 6/0, kim tam giác, dài 13mm, M07D13	Chỉ Teklon (Nylon) số 6/0, dài 75 cm, kim tam giác 1/2c, dài 13 mm	TM07HS13	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 6/0, dài 75 cm, kim tam giác 1/2c, dài 13 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn UltraGlyde	CPT	Việt Nam	CPT-Việt Nam	H / 12 tép	Tép	600	22.050	13.230.000		CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MINH HOÀNG	0312728203	155/QĐ-BV7B	23/02/2024	BỆNH VIỆN 7B

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
106	N05.02.030.1141.000.0347	Chỉ Teksilk (Silk) số 2/0, không kim, 12 sợi x 75 cm	Chỉ Caresilk (Silk) số 2/0, không kim, 12 sợi x 75 cm, S3012	Chỉ Teksilk (Silk) số 2/0, không kim, 12 sợi x 75 cm	TS3012	Chỉ không tan tự nhiên silk số 2/0, không kim, 12 sợi x 75 cm. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	CPT	Việt Nam	CPT-Việt Nam	H / 24 tép	Tép	500	16.065	8.032.500		CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MINH HOÀNG	0312728203	1044/QĐ-BVNĐ1	17/05/2024	BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 1
107	N05.02.030.1141.000.0003	Chỉ Silk số 2/0, kim tròn	Chỉ Caresilk (Silk) số 2/0, kim tròn, dài 26mm, S30A26	Chỉ không tan tự nhiên Caresilk (Silk) số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm, S30A26	S30A26	Chỉ không tan tự nhiên silk số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	CPT	Việt Nam	CPT-Việt Nam	H / 24 tép	Tép	480	15.750	7.560.000		CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MINH HOÀNG	0312728203	33/QĐ BVBBT	24/01/2024	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC BẮC BÌNH THUẬN
108	N05.02.030.1141.000.0345	Chỉ Teksilk (Silk) số 3/0, không kim, 12 sợi x 75 cm	Chỉ Caresilk (Silk) số 3/0, không kim, 12 sợi x 75 cm, S2012	Chỉ Teksilk (Silk) số 3/0, không kim, 12 sợi x 75 cm	TS2012	Chỉ không tan tự nhiên silk số 3/0, không kim, 12 sợi x 75 cm. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	CPT	Việt Nam	CPT-Việt Nam	H / 24 tép	Tép	264	13.650	3.603.600		CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MINH HOÀNG	0312728203	538/QĐ-BVKV	01/07/2024	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC CỦ CHI
109	N05.02.030.1141.000.0334	Chỉ Teksilk (Silk) số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm	Chỉ Caresilk (Silk) số 3/0, kim tam giác, dài 26mm, S20E26	Chỉ Teksilk (Silk) số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm	TS20DS26	Chỉ không tan tự nhiên silk số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn UltraGlyde	CPT	Việt Nam	CPT-Việt Nam	H / 24 tép	Tép	1000	12.600	12.600.000		CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MINH HOÀNG	0312728203	790/QĐ-BV4	21/12/2023	BỆNH VIỆN QUÂN Y 4 - CỤC HẬU CẦN - QUÂN ĐOÀN 4
110	N05.02.030.1141.000.0004	Chỉ Silk số 3/0, kim tròn	Chỉ Caresilk (Silk) số 3/0, kim tròn, dài 26mm, S20A26	Chỉ không tan tự nhiên Caresilk (Silk) số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm, S20A26	S20A26	Chỉ không tan tự nhiên silk số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	CPT	Việt Nam	CPT-Việt Nam	H / 24 tép	Tép	72	15.750	1.134.000		CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MINH HOÀNG	0312728203	33/QĐ BVBBT	24/01/2024	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC BẮC BÌNH THUẬN
111	N06.04.020.3057.155.0004/ N06.04.020.3055.175.0001	Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống	Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống	Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống	939xxxx	Vật liệu: PEEK. Thiết kế phù hợp với cấu trúc giải phẫu của cơ thể. Hai bề mặt có răng. Số điểm đánh dấu cản quang: 3 điểm bằng vật liệu Titanium. Chiều rộng: 11mm, 14mm. Chiều cao: 4, 5, 6, 7, 8, 9mm. Chiều sâu: 11mm. Độ ưỡn: 4 độ. Dung tích khoang ghép xương: 0.12-0.26cc. Đóng gói trong hộp đã được tiệt trùng.	Medtronic Sofamor Danek Deggendorf GmbH/ Medtronic Puerto Rico Operations, Co.	Đức/ Hoa Kỳ		1 cái/hộp	Cái	50	12.000.000	600.000.000		Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Trang Thiết Bị Y Tế	0101147344	1666/QĐ-BV	25/04/2024	Bệnh viện Quân Y 175

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
112	N07.06.040.3055.175.0002	Vít cột sống đa trục	Vít cột sống đa trục	Vít cột sống đa trục	7544xxxx	Vật liệu: Hợp kim Titanium. Cánh ren ngược. Vít có đường kính: 4.0 đến 8.5mm, chiều dài từ 20 - 65mm. Khoảng cách giữa 2 bước ren 2.82mm. Chiều cao mũ vít 16.1mm. Chiều rộng phần mũ vít trượt trên thanh dọc 9.2mm. Chiều rộng phần mũ vít phần song song với thanh dọc 10.65mm. Chiều rộng phần mũ vít phần vuông góc với thanh dọc 11.4mm. Góc nghiêng tối đa giữa mũ vít và thân vít là 28 độ. Có thể phân biệt kích thước vít bằng màu sắc. Đồng bộ với nẹp dọc đường kính 5.5mm và vít khóa trong tự gãy có chiều dài ban đầu là 13.13mm.	Medtronic Puerto Rico Operations, Co.	Hoa Kỳ		1 cái/ gói	Cái	100	5.500.000	550.000.000		Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Trang Thiết Bị Y Tế	0101147344	1666/QĐ-BV	25/04/2024	Bệnh viện Quân Y 175
113	N07.06.040.3055.175.0016	Óc khóa trong cho vít cột sống ngực lưng	Óc khóa trong cho vít cột sống ngực lưng	Óc khóa trong cho vít cột sống ngực lưng	7540020	Vật liệu: hợp kim Titanium. Tự gãy khi vặn đủ lực. Thiết kế cánh ren ngược. Tổng chiều dài của vít khóa trong trước khi bẻ: 13.13mm. Khoảng cách giữa 2 bước ren 1.0 mm. Chiều dài của phần vít khóa trong sau khi bẻ: 4.65mm. Đồng bộ với vít đa trục/đơn trục và nẹp dọc đường kính 5.5mm	Medtronic Puerto Rico Operations, Co.	Hoa Kỳ		1 cái/ gói	Cái	100	1.500.000	150.000.000		Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Trang Thiết Bị Y Tế	0101147344	1666/QĐ-BV	25/04/2024	Bệnh viện Quân Y 175
114	N07.06.040.3059.175.0046	Nẹp dọc thẳng cột sống ngực lưng	Nẹp dọc thẳng cột sống ngực lưng	Nẹp dọc thẳng cột sống ngực lưng	869-021	Nẹp dọc cứng đường kính 5,5mm. Chất liệu: Hợp kim Titanium. Dài 500mm. Có 2 đường kẻ dọc để đánh dấu khi xoay	Warsaw Orthopedic, Inc. (also known as Medtronic Sofamor Danek Manufacturing)	Hoa Kỳ		1 cái/ gói	Cái	20	1.500.000	30.000.000		Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Trang Thiết Bị Y Tế	0101147344	1666/QĐ-BV	25/04/2024	Bệnh viện Quân Y 175
115	N07.06.040.3055.175.0009	Vít cột sống đa trục hai bước ren	Vít cột sống đa trục hai bước ren	Vít cột sống đa trục hai bước ren	5484xxxxxx	Vật liệu: Hợp kim Titanium với mũ vít bằng Cobalt Chrome, đầu vương miện Titanium. Đường kính từ 4.0 đến 6.0mm với bước tăng 0.5mm và đường kính 6.5 đến 8.5mm với bước tăng 1mm, phân biệt được bằng màu sắc. Chiều dài từ 20mm-60mm. Chiều cao mũ vít 14.8mm. Chiều rộng phần mũ vít 10.43mm. Vít có 2 bước ren: phần ren xương xốp phía đầu vít với khoảng cách giữa 2 bước ren là 4mm và phần ren xương cứng phía mũ vít với khoảng cách giữa hai bước ren là 2mm.. Ren mở rộng đến đầu thon để dễ dàng bắt vít. Đồng bộ với ốc khóa trong tự gãy có chiều cao ban đầu là 12.96mm và nẹp dọc đường kính 4.75mm.	Medtronic Puerto Rico Operations, Co.	Hoa Kỳ		1 cái/ gói	Cái	60	7.700.000	462.000.000		Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Trang Thiết Bị Y Tế	0101147344	1666/QĐ-BV	25/04/2024	Bệnh viện Quân Y 175

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
116	N07.06.040.6496.146.0003	Óc khóa trong	Óc khóa trong	Óc khóa trong	5440030	Vật liệu: hợp kim Titanium. Cánh ren ngược giúp tối đa tiếp xúc giữa ren của ốc khoá trong với đầu mũ vít, tự gãy khi vặn đủ lực. Vít có đặc tính ren đầu tù giúp dễ dàng thao tác hơn (giảm khả năng bắt lệch trục từ điểm đầu tới mũ vít). Đường kính: 8.863mm. Khoảng cách giữa hai bước ren: 1.0mm. Tổng chiều cao: 13.5mm. Đồng bộ với vít đa trục/đơn trục 2 bước ren và nẹp dọc 5.5mm	Medtronic Medical Costa Rica S.R.L.	Costa Rica		1 cái/ gói	Cái	60	2.000.000	120.000.000		Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Trang Thiết Bị Y Tế	0101147344	1666/QĐ-BV	25/04/2024	Bệnh viện Quân Y 175
117	N07.06.040.3059.175.0018	Nẹp dọc thẳng cột sống ngực lưng hợp kim Cobalt Chrome	Nẹp dọc thẳng cột sống ngực lưng hợp kim Cobalt Chrome	Nẹp dọc thẳng cột sống ngực lưng hợp kim Cobalt Chrome	1475000500	Vật liệu: Hợp kim Titan. Đường kính 4.75mm, chiều dài 500mm, loại thẳng. Có đường kẻ dọc trên thân để đánh dấu. Đồng bộ với vít đơn trục/ đa trục 2 bước ren và ốc khóa trong tự gãy có đường kính 7.863 mm, chiều cao ban đầu 12.96 mm, chiều cao còn lại sau khi vặn đủ lực là 4.85 mm	Warsaw Orthopedic, Inc. (also known as Medtronic Sofamor Danek Manufacturing)	Hoa Kỳ		1 cái/ gói	Cái	10	5.000.000	50.000.000		Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Trang Thiết Bị Y Tế	0101147344	1666/QĐ-BV	25/04/2024	Bệnh viện Quân Y 175
118	N07.06.030.4127.292.0002	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha HV-R	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha HV-R	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha HV-R	C01A	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha gồm 20g xi măng tiệt trùng dạng bột với Barium sulphate 30%, Methyl methacrylate-Styrence-copolymer 68%, Benzonyl peroxide 2% và 9g chất lỏng trong lọ vô trùng với thành phần Methyl methacrylate (monomer): 99.1%, N, N-dimethyl-p-toluidine: 0.9%, Hydroquinone 75ppm, là loại xi măng có độ nhớt cao, có cản quang, thời gian làm việc trung khoảng 8 phút ở 22 độ C.	Tecres S.p.A.	Ý		1 gói/ hộp	Gói	10	6.000.000	60.000.000		Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Trang Thiết Bị Y Tế	0101147344	1666/QĐ-BV	25/04/2024	Bệnh viện Quân Y 175
119	N07.06.040.3055.175.0005	Vít đa trục rỗng nòng bơm xi măng	Vít đa trục rỗng nòng bơm xi măng	Vít đa trục rỗng nòng bơm xi măng	558400xxxxx	Vật liệu: hợp kim Titanium với mũ vít bằng hợp kim Cobalt Chrome, vương miện Titanium. Vít có hai vùng ren: vùng ren xương xốp phía đầu vít với khoảng cách giữa 2 bước ren là 4mm và vùng ren xương cứng phía mũ vít với khoảng cách giữa hai bước ren là 2mm. Ren mở rộng đến đầu thon để dễ bắt vít. Có 6 lỗ phía đầu vít cho phép xi măng có thể trực tiếp đi qua thân và các lỗ vít giúp cố định tức thời với những trường hợp có chất lượng xương kém. Tổng chiều cao mũ vít: 17.04mm. Đường kính vít từ 4.5-9.5mm với bước tăng 1mm. Chiều dài từ 30-55mm. Đồng bộ với ốc khoá trong tự gãy có tổng chiều cao 13.5mm và nẹp dọc đường kính 5.5mm	Medtronic Puerto Rico Operations, Co.	Hoa Kỳ		1 cái/ gói	Cái	60	10.100.000	606.000.000		Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Trang Thiết Bị Y Tế	0101147344	1666/QĐ-BV	25/04/2024	Bệnh viện Quân Y 175

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
120	N07.06.040.3055.175.0021	Óc khóa trong cho vít đơn trục, đa trục hai bước ren	Óc khóa trong cho vít đơn trục, đa trục hai bước ren	Óc khóa trong cho vít đơn trục, đa trục hai bước ren	5540030	Vật liệu: hợp kim Titanium. Cánh ren ngược giúp tối đa tiếp xúc giữa ren của ốc khoá trong với đầu mũ vít, tự gãy khi vặn đủ lực. Vít có đặc tính ren đầu tù giúp dễ dàng thao tác hơn (giảm khả năng bắt lệch trục từ điểm đầu tới mũ vít). Đường kính: 8.863mm. Khoảng cách giữa hai bước ren: 1.0mm. Tổng chiều cao: 13.5mm. Đồng bộ với vít đa trục/đơn trục 2 bước ren và nẹp dọc 5.5mm	Medtronic Puerto Rico Operations, Co.	Hoa Kỳ		1 cái/ gói	Cái	60	2.000.000	120.000.000		Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Trang Thiết Bị Y Tế	0101147344	1666/QĐ-BV	25/04/2024	Bệnh viện Quân Y 175
121	N02.02.020.4278.271.0003	Urgosyval 2.5cm x 5m (không hộp)	Băng dính lụa cuộn 2.5cm x 5m	Urgosyval 2.5cm x 5m (không hộp)	Tên thương mại: Urgosyval 2.5cm x 5m (không hộp) Mã hiệu: Urgosyval Hãng/Nước sản xuất: Urgo Healthcare Products Co., Ltd./Thái Lan	-Nền : Vải dệt từ cellulose acetate (Taffeta), số sợi 44x19.5 sợi/cm, trọng lượng 80 ± 3 g/m2. - Hỗn hợp keo nóng chảy: Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. Độ nhớt 8.100-12.700 cP. Trọng lượng khối phủ: 55 ± 10 gsm, lực dính 1,8-5,5 N/cm - Dễ xé, không bị tưa vải khi xé, dính tốt, không bị sót keo khi tháo băng. - Kiểm tra đạt giới hạn vi sinh theo Dược điển Châu Âu / EN ISO 11737-1 - Chứng nhận MD 92825 - BSI , CE.	Urgo Healthcare Products Co., Ltd	Thái Lan	Urgo Healthcare Products Co., Ltd./Thái Lan	Hộp 12 cuộn	Cuộn	10.000	19.500	195.000.000		Công ty TNHH Dược Kim Đô	0311509061	464/QĐ-BV	Ngày 06/02/24	BVQUÂN Y 175
122	N02.01.050.4490.279.0001	Urgoderm 10cm x 10m	Băng dính co giãn 10cm x 10m	Urgoderm 10cm x 10m	Tên thương mại: Urgoderm 10cm x 10m Mã hiệu: Urgoderm Hãng/Nước sản xuất: Zhende Medical Co., Ltd/Trung Quốc	- Lớp vải nền : Vải không dệt 50 ± 5g/m2, 50% viscose + 50% polyester. Không phát xạ mạnh huỳnh quang màu xanh. - Lớp keo : Keo kết dính nóng chảy 43 ± 3g/m2 : Hydrocarbon resin, Styrene block copolymer, Dầu khoáng y tế, Chất chống oxy hóa - Lực dính : >2N/2.5cm - Giấy lót phủ silicone 62 ± 3g/m2 - Chứng nhận Q5 095972 0010 - TUV, CE.	Zhende Medical Co., Ltd	Trung Quốc	Zhende Medical Co., Ltd/Trung Quốc	Hộp 1 cuộn	Cuộn	1.000	204.000	204.000.000		Công ty TNHH Dược Kim Đô	0311509061	720/QĐ-SYT	Ngày 28/6/24	SYT ĐỒNG NAI

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
123	N02.01.030.4278.271.0001	Urgocrepe 10cm x 4.5m	Băng thun có keo cố định khớp 10cm x 4.5m	Urgocrepe 10cm x 4.5m	Tên thương mại: Urgocrepe 10cm x 4.5m Mã hiệu: Urgocrepe Hãng/Nước sản xuất: Urgo Healthcare Products Co., Ltd./Thái Lan	-Nền : 100% sợi cotton, số sợi ≥ 160 sợi/10cm, trọng lượng 133-147 g, độ dày 0.84 - 0.94mm. Co giãn theo chiều dọc ≥ 90%, chiều dài khi chưa kéo giãn 230 ± 20cm, khi kéo giãn 448.5cm ± 20cm. - Hỗn hợp keo nóng chảy : Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. - Trọng lượng khối phủ: 110 ± 10 g/m2, , lực dính 2-9 N/cm - Giấy lót silicon, cuộn lại được bọc trong màng film. - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí - TAMC ≤100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc - TYMC ≤10 cfu/g. Theo Dược điển Châu Âu /ISO 11737-1 - Chứng nhận MD 92825 - BSI.	Urgo Healthcare Products Co., Ltd	Thái Lan	Urgo Healthcare Products Co., Ltd./Thái Lan	Hộp 1 cuộn	Cuộn	1.000	149.400	149.400.000		Công ty TNHH Dược Kim Đô	0311509061	375/QĐ-VT	Ngày 27/05/2024	VIỆN TIM TP HỒ CHÍ MINH
124	N02.01.020.4278.271.0004	Urgoband 10cm x 4,5m	Băng thun 10cm x 4,5m	Urgoband 10cm x 4,5m	Tên thương mại: Urgoband 10cm x 4,5m Mã hiệu: Urgoband Hãng/Nước sản xuất: Urgo Healthcare Products Co., Ltd./Thái Lan	- Nền : sợi polyester, spandex và cotton, màu trắng, trọng lượng ≥ 90 g/m2 - Kích thước : Khi chưa kéo giãn 180 – 220 cm, khi kéo giãn 450 - 465cm, khả năng co giãn ≥ 200%, - Kiểm tra vi sinh: Tổng số vi khuẩn hiếu khí - TAMC ≤ 100 cfu/g. Tổng số men và nấm mốc - TYMC ≤ 10 cfu/g. - Chứng nhận MD 92825 - BSI.	Urgo Healthcare Products Co., Ltd	Thái Lan	Urgo Healthcare Products Co., Ltd./Thái Lan	Thùng 30 cuộn	Cuộn	1.000	24200	24.200.000		Công ty TNHH Dược Kim Đô	0311509061	464/QĐ-BV	Ngày 06/02/24	BVQUÂN Y 175
125	N02.03.030.4490.279.0001	Urgosterile 5cm x 7cm	Băng keo có gạc vô trùng 5cm x 7cm	Urgosterile 5cm x 7cm	Tên thương mại: Urgosterile 5cm x 7cm Mã hiệu: Urgosterile Hãng/Nước sản xuất: Zhende Medical Co., Ltd/Trung Quốc	- Lớp vải nền : Vải không dệt 50g/m2, 50% viscose + 50% polyester. - Lớp keo : Keo kết dính nóng chảy 43 ± 3g/m2 : Hydrocarbon resin, Styrene block copolymer, Dầu khoáng y tế, Chất chống oxy hóa - Lớp gạc thấm hút không dính, không phát xạ mạnh huỳnh quang màu xanh, pH trung tính, trọng lượng 200 ± 10% g/m2: Màng PE, Viscose + Polyester - Khả năng thấm hút : ≥ 680% - Giấy lót phủ silicone 62 ± 5g/m2 - Tiệt trùng bằng EO. - Chứng nhận Q5 095972 0010 - TUV	Zhende Medical Co., Ltd	Trung Quốc	Zhende Medical Co., Ltd/Trung Quốc	Hộp 50 miếng	Miếng	2.000	3430	6.860.000		Công ty TNHH Dược Kim Đô	0311509061	464/QĐ-BV	Ngày 06/02/24	BVQUÂN Y 175

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
126	N02.03.030.4490.279.0004	Urgosterile 15cm x 10cm	Băng keo có gạc vô trùng 15cm x 10cm	Urgosterile 15cm x 10cm	Tên thương mại: Urgosterile 15cm x 10cm Mã hiệu: Urgosterile Hãng/Nước sản xuất: Zhende Medical Co., Ltd/Trung Quốc	- Lớp vải nền : Vải không dệt 50g/m2, 50% viscose + 50% polyester. - Lớp keo : Keo kết dính nóng chảy 43 ± 3g/m2 : Hydrocarbon resin, Styrene block copolymer, Dầu khoáng y tế, Chất chống oxy hóa - Lớp gạc thấm hút không dính, không phát xạ mạnh huỳnh quang màu xanh, pH trung tính, trọng lượng 200 ± 10% g/m2: Màng PE, Viscose + Polyester - Khả năng thấm hút : ≥ 680% - Giấy lót phủ silicone 62 ± 5g/m2 - Tiệt trùng bằng EO. - Chứng nhận Q5 095972 0010 - TUV	Zhende Medical Co., Ltd	Trung Quốc	Zhende Medical Co., Ltd/Trung Quốc	Hộp 50 miếng	Miếng	1.000	7500	7.500.000		Công ty TNHH Dược Kim Đô	0311509061	464/QĐ-BV	Ngày 06/02/24	BVQUÂN Y 175
127	N02.01.070.4278.271.0001	Optiskin Film 120mm x 90mm	Băng vô trùng trong suốt, không thấm nước 120 x 90mm	Optiskin Film 120mm x 90mm	Tên thương mại: Optiskin Film 120mm x 90mm Mã hiệu: Optiskin Film Hãng/Nước sản xuất: Urgo Healthcare Products Co., Ltd./Thái Lan	- Lớp nền : Polyurethane, trong suốt - Lớp keo : Acrylic, trọng lượng 30 ± 3g/m2 - Mức thấm hơi nước : ≥ 500 g/m2/24 giờ - Lực dính : ≥ 1.0 N/cm - Vi khuẩn và nấm ≤100cfu/g - Tiệt trùng bằng EO. Nồng độ EO (mg/24h/MD) ≤ 0.21. Nồng độ EC (mg/24h/MD) ≤ 0.19 - Không thấm nước, dùng được khi lau và tắm - Chứng nhận MD 92825 - BSI.	Urgo Healthcare Products Co., Ltd	Thái Lan	Urgo Healthcare Products Co., Ltd./Thái Lan	Hộp 50 miếng	Miếng	1.000	12100	12.100.000		Công ty TNHH Dược Kim Đô	0311509061	720/QĐ-SYT	Ngày 28/6/24	SYT ĐỒNG NAI
128	N02.01.040.4278.271.0001	Urgo Durable 2cm x 6cm	Băng cá nhân 20mm x 60mm	Urgo Durable 2cm x 6cm	Tên thương mại: Urgo Durable 2cm x 6cm Mã hiệu: Urgo Durable/550601 Hãng/Nước sản xuất: Urgo Healthcare Products Co., Ltd./Thái Lan	- Lớp nền : Sợi vải đàn hồi Viscose và polyamide, màu da, trọng lượng 97 ± 7g/m2, số sợi trên 10cm: 320 - 350. Số sợ trên 1cm: 120-125. - Lớp keo : Oxide kẽm, trọng lượng 80-110 g/m2, lực dính 2.2 - 9.4 N/cm - Lớp thấm hút : Sợi Viscose, khả năng thấm hút > 500% - Lớp chống dính : Polyethylene - Tổng số vi khuẩn hiếu khí - TAMC ≤ 100 cfu/g. Tổng số men và nấm mốc - TYMC ≤ 10 cfu/g. - Chứng nhận MD 92825 - BSI.	Urgo Healthcare Products Co., Ltd	Thái Lan	Urgo Healthcare Products Co., Ltd./Thái Lan	Hộp 100 miếng	Miếng	5.000	600	3.000.000		Công ty TNHH Dược Kim Đô	0311509061	464/QĐ-BV	Ngày 06/02/24	BVQUÂN Y 175

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
129	N02.04.050.2025.175.0005	Vật liệu cầm máu SURGICEL FIBRILLAR 5.1cm x 10.2cm	Vật liệu cầm máu dạng bông xốp tự tiêu	Vật liệu cầm máu SURGICEL FIBRILLAR dạng bông xốp tự tiêu, có tính diệt khuẩn, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), kích thước 5.1 x 10.2 cm (1962)	1962	Vật liệu cầm máu dạng bông xốp Rayon sợi ngắn, đường kính 20µm mịn đồng nhất, trọng lượng 26.3 mg/cm2, tự tiêu, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật, kích thước 5,1 x 10,2cm, có tính diệt khuẩn, độ pH thấp (2.4) giúp co mạch tại chỗ, đẩy nhanh quá trình hình thành nút tiểu cầu, dạng bông gòn có nhiều lớp, có thể tách ra nhiều lớp, cắt, xé, cuộn lại để đưa vào các vị trí nhỏ, bám tốt vào mô chảy máu như một lớp gel mỏng, tự tiêu sau 7 - 14 ngày, tiêu chuẩn FDA	Ethicon ,LLC	Mỹ	Ethicon ,LLC-Mỹ	Hộp/10 miếng	Miếng	100	595350	59.535.000		CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÂN THÔNG	0401340331	1373/QĐ-BVĐKT	07/03/2024	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định
130	N02.04.050.2025.175.0004	Vật liệu cầm máu SURGICEL SNOW 5,1cm x 10,2cm	Vật liệu cầm máu SURGICEL SNOW dạng bông ép dệt dày tự tiêu, có tính diệt khuẩn, bằng cellulose oxi hoá tái tổ hợp, kích thước 5,1 x 10,2cm	Vật liệu cầm máu SURGICEL SNOW dạng bông ép dệt dày tự tiêu, có tính diệt khuẩn, bằng cellulose oxi hoá tái tổ hợp, kích thước 5,1 x 10,2cm	2082	Vật liệu cầm máu dạng bông ép Rayon sợi dài, đường kính 20µm mịn đồng nhất, trọng lượng 10.8 mg/cm2, dệt dày tự tiêu, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật, kích thước 5,1 x 10,2cm, có tính diệt khuẩn, độ pH thấp (2.4) giúp co mạch tại chỗ, đẩy nhanh quá trình hình thành nút tiểu cầu, bọc được tạng và giữ được chỉ khâu, dễ dàng dịch chuyển mà không bị dính vào dụng cụ, thích hợp trong phẫu thuật nội soi, tự tiêu sau 7 - 14 ngày, tiêu chuẩn FDA.	Ethicon ,LLC	Mỹ	Ethicon ,LLC-Mỹ	Hộp/10 miếng	Miếng	100	818685	81.868.500		Công ty cổ phần dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội	0100109699	87/QĐ-BVNĐ2	02/01/2024	Bệnh viện Nhi đồng 2
131	N07.02.080.2704.271.0002	Quả lọc thận nhân tạo các loại, các cỡ	Quả lọc máu (middle flux)	Quả lọc máu (middle flux) RENAK CTA-1500	RENAK CTA-1500	Quả (màng) lọc thận nhân tạo hiệu suất cao, middle flux, chất liệu CTA. Diện tích bề mặt 1,5m2. Hệ số siêu lọc UFR 25ml/h/mmHg. Chiều dài sợi 240mm. Độ thanh thải ở tốc độ máu 300ml/phút: Urea 251, Creatinin 229, VitaminB12: 164. Hệ số Bêta 2 Micro Globulin 0,725. Hệ số sàn Albumin 0,0007. Max TMP 500mmHg. Đóng gói Tiệt trùng từng cái bằng tia Gamma. Kiểu ướt. Tiêu chuẩn EC, ISO 13485	Kawasumi Laboratories (Thailand) Co., Ltd (Korat)	Thái Lan	SB-Kawasumi Laboratories, Inc-Nhật Bản	Thùng/ 12 Quả	Quả	1.000	294.000	294.000.000		Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Tâm Nguyễn	0314174374	720/QĐ-SYT	28/06/2024	Sở Y Tế Tỉnh Đồng Nai

STT	Mã VTYT dùng chung theo QĐ 5086	Tên dùng chung theo QĐ 5086	Tên hàng hóa	Tên Thương Mại	Chủng loại/ Mã hàng	Cấu hình, tính năng đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Nhà thầu trúng thầu		Quyết định trúng thầu		Tên , mã đơn vị mua sắm
																Tên nhà thầu	mã số thuế	Số quyết định/ Thông báo trúng thầu	ngày ban hành quyết định/ thông báo	
132	N06.04.052.3698.177.0007	Khớp háng bán phần không xi măng Pannon CL REV.	Khớp háng bán phần không xi măng Pannon CL REV.	Khớp háng bán phần không xi măng Pannon CL REV.	4120xxxxx 41200xxxx 511801xxx	Bao gồm: Đầu chỏm Bipolar, chỏm khớp, cuống khớp Pannon loại dài. * Đầu chỏm Bipolar: - Vật liệu : REX Steel/PE. - Kích cỡ : 41 – 55mm với mỗi bước tăng 1 mm và 58, 61mm. - Đầu chỏm có thiết kế Excentric-tự định vị tâm xoay theo lực tỳ đè giảm nguy cơ mòn ổ cối tập trung tại một điểm * Cuống khớp: Vật liệu : Titanium alloy. - Thiết kế phù hợp với giải phẫu giúp bảo tồn xương - Kích cỡ chuôi: 3, 4, 5, 6, 7, 8 9, 10 - Chiều dài chuôi: 190, 205, 210, 215, 220, 225, 230, 235mm. - Góc cổ chuôi: 135o. cổ côn 12/14 mm - Chuôi dạng không cổ, lớp phủ Titanium Plasma Spray 1/3 đầu gần, với thiết kế hình nêm cả hai chiều (kiểu Muller) - cố định tốt, chuyển tải lực phía đầu gần tốt hơn giúp xương can sớm. * Đầu Chỏm xương đùi - Vật liệu : REX Steel. - Đường kính: 28 mm (-3, +0, +3, +5, +8, +12).	Sanatmetal	Hungary	Sanatmetal/ Hungary	Hộp/ Cái	Bộ	5	55.000.000	275.000.000		Công ty TNHH Dược phẩm Y tế Link	0316155962	QĐ số 221/QĐ-BVNT	15/03/2024	Bệnh viện Nguyễn Trãi
Tổng cộng: **(Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ, một trăm lẻ chín triệu, một trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm mười sáu đồng./.)**														**28.109.192.716**						

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC DANH MỤC MUA SẮM TRỰC TIẾP VẬT TƯ Y TẾ
(Đính kèm Quyết định phê duyệt KQLCNT số 724 /QĐ-BVLVT, ngày 14 tháng 8 năm 2024)

Stt	Tên công ty	Địa chỉ	Giá trị hợp đồng
1	Công ty TNHH VẬT TƯ Y TẾ PHƯƠNG LAN	324/9/1 Lý Thường Kiệt,, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	42.500.000
2	Công ty TNHH dược phẩm Phương Phương	62A-B Thống Nhất, Tân Thành, Tân Phú, Tp. HCM	1.964.251.500
3	Công ty TNHH Lavicom	20 Đ. Số 7, Khu dân cư Vạn Phúc, Thủ Đức, Hồ Chí Minh	80.000.000
4	Công ty TNHH Thiết bị Y tế D.T.D	119/1 Bà Hạt, Phường 09, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	4.245.000.000
5	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khởi Tâm	44 7 Bàu Cát, Phường 14, Tân Bình, Hồ Chí Minh	360.000.000
6	Công ty TNHH TM Minh An	2B, Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	240.000.000
7	Công ty Cổ phần Thương mại và Dược phẩm Tân Thành	Số 15 Lô 3A, KĐT Trung Yên, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	1.587.070.000
8	Tổng công ty thiết bị y tế Việt Nam - CTCP	Số 1 ngõ 135, phố núi Trúc, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội	611.294.416
9	Công ty TNHH TBYT Đức Bình	720 Sư Vạn Hạnh, phường 12, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh	1.310.400.000
10	Công ty TNHH Thanh Phương	Số 20 lô 11B đường Trung Yên 10, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	621.700.000
11	Công ty TNHH Thương Mại Thiết Bị Y Tế An Pha	881 Đ. Trường Chinh, Tây Thạnh, Tân Phú, Hồ Chí Minh	2.685.900.000
12	Công ty TNHH XNK TTBYT Tâm Thu	Phòng 6.1 Tòa nhà D House, 39 Nguyễn Thị Diệu, P6, q3, Tp. HCM	460.000.000
13	Công ty TNHH TBYT Khải Vinh	343E/17-343E/18 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	375.000.000
14	Công ty TNHH Thương Mại Diên Niên	76 đường 817A Tạ Quang Bửu, phường 5, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh	2.301.910.900
15	CTY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT AN PHA	25 Đường số 4, Khu đô thị Him Lam, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	24.000.000
16	Công ty TNHH TM TBYT Quang Hưng	225/27/2 Lê Văn Quới, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	738.750.000
17	Công Ty TNHH TMDV TBYT Cao Minh	C7/29 Phạm Hùng, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh,	1.136.710.000
18	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hào Nam	47D Lạc Long Quân, Phường 1, Quận 11, TP.Hồ Chí Minh	2.319.350.000
19	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Mai Việt Anh	1/4 Huỳnh Lan Khanh, phường 2, Tân Bình, Tp. HCM	1.716.105.900
20	Công ty Cổ Phần Thương Mại & Dịch Vụ Việt Can	781/C1-C2, Tầng 5, Đ. Lê Hồng Phong, Phường 12, Quận 10, Hồ Chí Minh	900.000.000
21	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MINH HOÀNG	J2 Bửu Long, Phường 15, Quận 10, Hồ Chí Minh	328.786.500
22	Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Trang Thiết Bị Y Tế	số 1, hẻm 81/30/1 tổ 20 lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	2.748.000.000
23	Công ty TNHH Dược Kim Đô	31/3 - 31/5 Phạm Phú Thứ, P.11, Q.Tân Bình, TP.HCM	602.060.000
24	CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÂN THÔNG	260/20B Hải Phòng, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng	59.535.000
25	Công ty cổ phần dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội	02 Hàng Bài, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	81.868.500
26	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Tâm Nguyễn	18 Đồng Văn Cống, Phường Bình Trưng Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	294.000.000
27	Công ty TNHH Dược phẩm Y tế Link	12 Ba Vân, Phường 14, Tân Bình, Hồ Chí Minh	275.000.000
		Tổng cộng:	**28.109.192.716**